



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0035005

(51)^{2020.01} A61F 13/494; A61F 13/56; A61F 13/49 (13) B

(21) 1-2021-00068

(22) 26/06/2019

(86) PCT/JP2019/025455 26/06/2019

(87) WO 2020/004493 02/01/2020

(30) 2018-125576 29/06/2018 JP

(45) 27/03/2023 420

(43) 25/03/2021 396

(73) UNICHARM CORPORATION (JP)

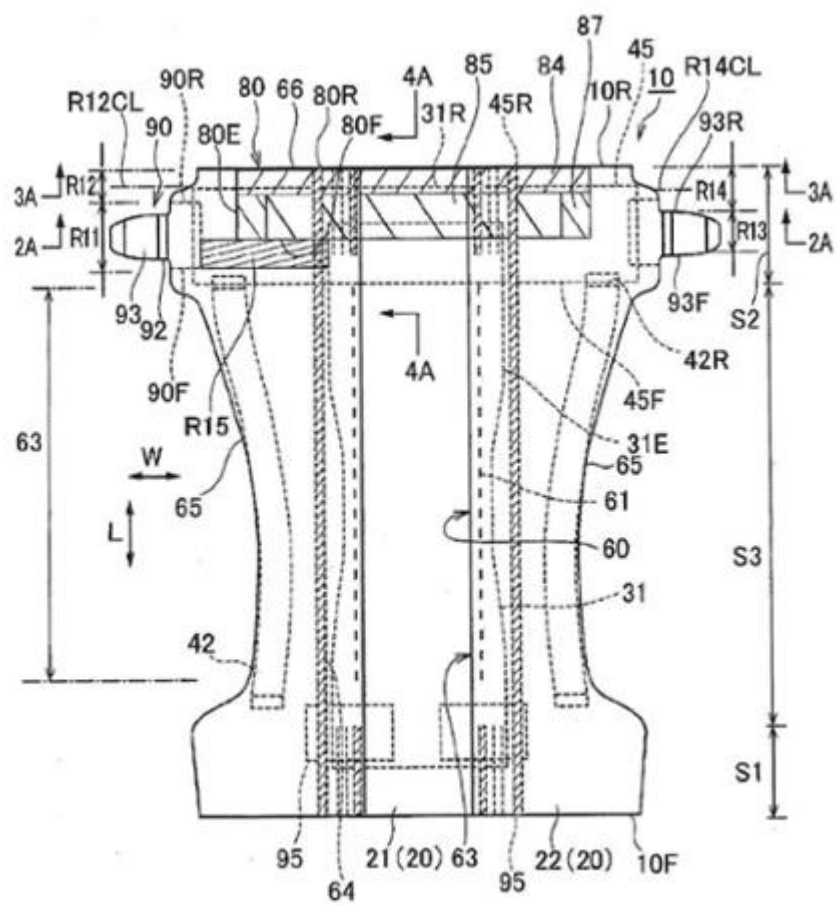
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime 7990111, Japan

(72) MATSUI, Takashi (JP); YAMANAKA, Yasuhiro (JP); SAKAGUCHI, Satoru (JP).

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(54) TÃ LÓT DỪNG MỘT LẦN

(57) Sáng chế đề cập đến việc tạo ra tã lót dùng một lần mà có thể tạo thành chiếc túi phù hợp nhờ cạp và có thể ngăn việc xảy ra sự rò rỉ ở phía sau. Tã lót dùng một lần (10) gồm lõi thấm hút (31), tấm ở phía bề mặt hướng da (20) được định vị ở phía bề mặt hướng vào da của lõi thấm hút, cạp (80) được định vị ở phía bề mặt hướng vào da của tấm ở phía bề mặt hướng da trong vùng đường eo sau (S2) và giãn ra và co lại theo hướng chiều rộng, và băng gài kéo giãn (90). Phần hướng vào (83) được định vị gần nhất với tấm ở phía bề mặt hướng da trong cạp được cung cấp với vùng nổi (84) được nối với tấm ở phía bề mặt hướng da và vùng không nổi (85) kéo dài tới mặt đằng trước từ vùng nổi và không được nối với tấm ở phía bề mặt hướng da. Khoảng trống (AS) được xen kẽ giữa vùng không nổi của cạp và tấm ở phía bề mặt hướng da tạo thành chiếc túi mà mở ra phía trước. Mép đầu sau (80F) của cạp được bố trí ở phía sau từ trung tâm (R14CL) theo hướng trước-sau của vùng eo (R14) được định vị ở phía sau từ vùng bố trí khóa (R13) kéo dài từ phần khóa của băng gài theo hướng chiều rộng.



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến tã lót dùng một lần có cạp.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Tã lót dùng một lần trong đó cạp được bố trí ở phía bề mặt hướng vào da của tấm ở phía bề mặt hướng da trong vùng đường eo sau đã biết (tham khảo, ví dụ, tài liệu sáng chế 1). Trong cạp, vùng nối được nối với tấm ở phía bề mặt hướng da được bố trí trong phần hướng vào được định vị gần nhất với tấm ở phía bề mặt hướng da. Cạp được gấp lại ở phía cách xa tấm ở phía bề mặt hướng da từ đường gấp, lấy làm điểm góc, kéo dài theo hướng chiều rộng tại mép đầu sau của vùng nối. Cạp được gấp lại được làm co lại nhờ chi tiết đàn hồi để nổi lên từ vùng nối của cạp và tấm ở phía bề mặt hướng da. Khoảng trống được xen kẽ giữa vùng được gấp lại và vùng nối của cạp tạo thành chiếc túi mà mở ra phía trước. Chiếc túi đựng phân di chuyển về phía mở eo.

Tài liệu sáng chế

Tài liệu sáng chế 1: Công bố đơn sáng chế Hoa Kỳ số 2018/71155

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Để ngăn việc xảy ra sự rò rỉ ở phía sau trong tã lót dùng một lần của Tài liệu sáng chế 1, việc bố trí toàn bộ cạp gần hơn với phía mở eo được xem xét. Trong ví dụ về phương pháp sản xuất tã lót dùng một lần, nhiều loại tã lót được sản xuất ở trạng thái liên tiếp theo hướng trước-sau, và mép đầu của tã lót theo hướng trước-sau được cắt để thu được các tã lót riêng lẻ. Như được mô tả ở trên, theo phương pháp sản xuất là cắt mép đầu của tã lót theo hướng trước-sau, nếu cạp được bố trí gần với phần mở tại eo, đường gấp của cạp có thể bị cắt do các lỗi trong quá trình sản xuất tã lót, và chức năng

chiếc túi có thể không thực hiện được.

Do đó, mọi người mong muốn sử dụng tã lót dùng một lần mà có thể tạo thành chiếc túi phù hợp nhờ cạp và có thể ngăn việc xảy ra sự rò rỉ ở phía sau.

Theo một khía cạnh, tã lót dùng một lần có hướng trước-sau và hướng chiều rộng mà vuông góc với nhau được tạo ra, gồm: vùng đường eo trước, vùng đường eo sau, và vùng đũng được bố trí giữa vùng đường eo trước và vùng đường eo sau; lõi thấm hút; tấm ở phía bề mặt hướng da được định vị ở phía bề mặt hướng vào da từ lõi thấm hút; cạp được bố trí ở phía bề mặt hướng vào da của tấm ở phía bề mặt hướng da trong vùng đường eo sau; và băng gài được bố trí trong vùng đường eo sau, trong đó phần hướng vào được định vị gần nhất với tấm ở phía bề mặt hướng da trong cạp được cung cấp với vùng nối được nối với tấm ở phía bề mặt hướng da và vùng không nối vào mặt đằng trước từ vùng nối và không được nối với tấm ở phía bề mặt hướng da, khoảng trống được xen kẽ giữa vùng không nối và tấm ở phía bề mặt hướng da trong cạp tạo thành chiếc túi mà mở ra phía trước, và mép đầu sau của cạp được bố trí ở phía sau từ trung tâm của vùng eo theo hướng trước-sau trong vùng eo được định vị ở phía sau từ vùng bố trí khóa kéo dài theo hướng chiều rộng từ phần khóa của băng gài.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Fig.1 là hình vẽ sơ lược dạng trái phẳng của tã lót dùng một lần theo phương án thứ nhất khi được quan sát từ phía bề mặt hướng vào da.

Fig.2 là hình vẽ sơ lược dạng trái phẳng kiểu giản đồ được vẽ theo đường 2A-2A được minh họa trên Fig.1.

Fig.3 là hình chiếu mặt cắt kiểu giản đồ được vẽ theo đường 3A-3A được minh họa trên Fig.1.

Fig.4 là hình chiếu mặt cắt kiểu giản đồ được vẽ theo đường 4A-4A được minh họa trên Fig.1 ở trạng thái được kéo giãn ra.

Fig.5 là hình chiếu mặt cắt kiểu giản đồ được vẽ theo đường 4A-4A được minh họa trên Fig.1 ở trạng thái tự nhiên bình thường.

Fig.6 là sơ đồ minh họa kiểu giản đồ trạng thái mặc theo mặt cắt có tham khảo Fig.5.

Fig.7 là hình chiếu mặt cắt kiểu giản đồ của tã lót dùng một lần theo phương án thứ hai.

Mô tả chi tiết sáng chế

(1) Tóm tắt phương án

Ít nhất các vấn đề sau đây sẽ trở nên rõ ràng nhờ bản mô tả này và các hình vẽ kèm theo. Theo một khía cạnh, tã lót dùng một lần có hướng trước-sau và hướng chiều rộng mà vuông góc với nhau được tạo ra, gồm: vùng đường eo trước, vùng đường eo sau, và vùng đũng được bố trí giữa vùng đường eo trước và vùng đường eo sau; lõi thấm hút; tấm ở phía bề mặt hướng da được định vị ở phía bề mặt hướng vào da từ lõi thấm hút; cạp được bố trí ở phía bề mặt hướng vào da của tấm ở phía bề mặt hướng da trong vùng đường eo sau; và băng gài được bố trí trong vùng đường eo sau, trong đó phần hướng vào được định vị gần nhất với tấm ở phía bề mặt hướng da trong cạp được cung cấp với vùng nối được nối với tấm ở phía bề mặt hướng da và vùng không nối vào mặt đằng trước từ vùng nối và không được nối với tấm ở phía bề mặt hướng da, khoảng trống được xen kẽ giữa vùng không nối và tấm ở phía bề mặt hướng da trong cạp tạo thành chiếc túi mà mở ra phía trước, và mép đầu sau của cạp được bố trí ở phía sau từ trung tâm của vùng eo theo hướng trước-sau trong vùng eo được định vị ở phía sau từ

vùng bố trí khóa kéo dài theo hướng chiều rộng từ phần khóa của băng gài.

Theo khía cạnh này, vì mép đầu sau của cạp được bố trí ở phía sau từ trung tâm của vùng eo theo hướng trước-sau, dễ dàng để đảm bảo độ bền chắc của vùng eo. Có thể ngăn vấn đề như xoay vùng eo, và ngăn sự rò rỉ ở phía sau. Ngoài ra, khoảng trống được xen kẽ giữa vùng không nổi trong phần hướng vào của cạp và tấm ở phía bề mặt hướng da tạo thành chiếc túi mà mở ra phía trước. Vùng nổi được bố trí trên phía mở eo từ vùng không nổi. Ngay cả nếu một phần (ví dụ, mép đầu sau) của cạp lỡ bị cắt do lỗi sản xuất hoặc tương tự, vùng không nổi được bố trí ở phía trước từ vùng nổi, để chức năng là chiếc túi được duy trì một cách dễ dàng. Do đó, có thể tạo thành chiếc túi phù hợp nhờ cạp và ngăn việc xảy ra sự rò rỉ ở phía sau.

Theo khía cạnh ưu tiên hơn, mép đầu sau của cạp có thể được bố trí ở phía sau từ trung tâm của vùng mở eo theo hướng trước-sau trong vùng mở eo được định vị ở phía sau từ vùng bố trí phần băng kéo dài từ băng gài theo hướng chiều rộng.

Theo khía cạnh này, vì độ bền chắc được làm tăng lên trên một nửa hoặc nhiều hơn của độ dài của vùng mở eo theo hướng trước-sau, dễ dàng để đảm bảo độ bền chắc của vùng mở eo. Có thể ngăn vấn đề như sự lật lại của vùng mở eo, và ngăn sự rò rỉ ở phía sau.

Theo khía cạnh ưu tiên hơn, cạp có thể có phần được gấp lại được gấp ở phía cách xa tấm ở phía bề mặt hướng da từ đường gấp, lấy làm điểm góc, kéo dài theo hướng chiều rộng tại mép đầu trước của vùng không nổi.

Theo khía cạnh này, phần được gấp lại được gấp ở phía cách xa tấm ở phía bề mặt hướng da, và trở thành vùng tiếp xúc với cơ thể. Bằng cách cho phần được gấp lại tiếp xúc với cơ thể, việc đảm bảo không gian chứa bởi chiếc túi trở nên dễ dàng hơn.

Theo khía cạnh ưu tiên hơn, vùng không nổi được bố trí từ mép đầu trước của vùng nổi đến đường gấp, và độ dài của phần được gấp lại theo hướng trước-sau có thể dài hơn so với độ dài của vùng không nổi theo hướng trước-sau.

Theo khía cạnh này, độ dài của phần được gấp lại tiếp xúc với cơ thể theo hướng trước-sau dài hơn so với độ dài của vùng không nổi cấu thành nên không gian chứa của chiếc túi. Có thể đảm bảo khu vực lớn ở đó cặp tiếp xúc với cơ thể, và tăng cường sự ổn định của hình dạng của cặp.

Theo khía cạnh ưu tiên hơn, mép đầu sau của phần được gấp lại có thể được định vị ở phía sau từ vùng bố trí khóa.

Theo khía cạnh này, vùng bố trí khóa dễ dàng đưa vào tiếp xúc với cơ thể ở trạng thái mặc. Phần được gấp lại được bố trí trên phía mở eo từ vùng bố trí khóa mà tiếp xúc gần với cơ thể. Người sử dụng có thể hiểu được rằng chiếc túi được bố trí gần hơn với phía mở eo, và có thể cảm thấy cảm giác an toàn đối với sự rò rỉ ở phía sau.

Theo khía cạnh ưu tiên hơn, mép đầu sau của phần được gấp lại có thể được định vị ở phía trước của mép đầu sau của vùng nổi.

Theo khía cạnh này, vì mép đầu sau của phần được gấp lại được định vị ở phía trước từ mép đầu sau của vùng nổi, ngay cả nếu phần được gấp lại được dời chỗ tại thời điểm sản xuất, có thể ngăn phần được gấp lại khỏi bị cắt lồi.

Theo khía cạnh ưu tiên hơn, lực co của phần được gấp lại có thể lớn hơn so với lực co của vùng không nổi.

Theo khía cạnh này, vì lực giãn và co của phần được gấp lại tương đối mạnh, có thể đảm bảo độ bám dính của cặp vào cơ thể. Hơn nữa, vì ứng lực của vùng mà ở đó vùng không nổi được bố trí là tương đối thấp, có thể ngăn vấn đề trong đó chiếc túi nhô

quá lên khỏi cơ thể khi ứng lực của vùng không nổi là cao, và để ngăn sự xuất hiện của khoảng hở giữa cơ thể và chiếc túi.

Theo khía cạnh ưu tiên hơn, mép đầu sau của vùng không nổi có thể được định vị ở phía sau từ trung tâm của vùng bố trí khóa theo hướng trước-sau.

Theo khía cạnh này, mép đầu sau của vùng không nổi tạo thành mép đầu sau của chiếc túi được xen kẽ giữa vùng không nổi của phần hướng vào và tấm ở phía bề mặt hướng da. Độ dài của vùng không nổi theo hướng trước-sau có thể được đảm bảo, và không gian chứa rộng của chiếc túi nhờ vùng không nổi có thể được bố trí.

Theo khía cạnh ưu tiên hơn, mép đầu trước của vùng nổi có thể được định vị ở phía trước từ mép đầu sau của vùng bố trí khóa.

Theo khía cạnh này, có thể đảm bảo độ dài của vùng nổi theo hướng trước-sau, làm tăng độ bền chắc của vùng mà ở đó cặp được bố trí, và làm tăng độ bền chắc của vùng eo. Do đó, có thể ngăn vấn đề như xoay vùng eo, và hơn nữa để ngăn sự rò rỉ ở phía sau.

Theo khía cạnh ưu tiên hơn, mép đầu sau của vùng nổi có thể chạm tới mép đầu sau của tấm lót dùng một lần.

Theo khía cạnh này, có thể làm tăng độ bền chắc của mép đầu sau của tấm lót dùng một lần, và việc đảm bảo độ bền chắc của vùng eo là dễ dàng hơn. Có thể ngăn vấn đề như sự lật lại của vùng mở eo, và để ngăn sự rò rỉ ở phía sau.

Theo khía cạnh ưu tiên hơn, tấm bề mặt-ở sau không thấm-chất lỏng được tạo ra được định vị ở phía bề mặt hướng vào da từ lõi thấm hút, trong đó ít nhất một phần của tấm bề mặt-ở sau theo hình chiếu phẳng của tấm lót dùng một lần có thể chồng lên vùng nổi của cặp.

Vì ít nhất một phần của tấm bề mặt-ở sau chùng lên vùng nổi của cặp, sự rò rỉ của chất lỏng cơ thể từ không gian chứa của cặp đến phía bề mặt không hướng da của tấm lót dùng một lần có thể được ngăn nhờ tấm bề mặt-ở sau. Hơn nữa, có thể làm tăng độ bền chắc của vùng mà ở đó vùng nổi được tạo thành bởi tấm bề mặt-ở sau, phần nhô lên của cặp có khả năng nhô lên nhiều hơn đối với vùng nổi, và nhờ đó việc tạo thành chiếc túi nhờ cặp dễ dàng hơn.

(2) Kết cấu toàn thể dạng giản đồ của tấm lót dùng một lần

Sau đây, tấm lót dùng một lần theo phương án sẽ được mô tả có tham chiếu tới các hình vẽ. Trong mô tả sau đây của các hình vẽ, các phần giống hệt hoặc tương tự sẽ được ghi bởi dấu ký hiệu tham chiếu giống hệt hoặc tương tự. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng các hình vẽ là kiểu giản đồ và các tỷ lệ của các kích thước tương ứng và tương tự là khác so với thực tế. Do đó, các kích thước cụ thể và tương tự nên được xác định bằng cách xem xét giải thích sau đây. Ngoài ra, các mối liên quan về kích thước hoặc các tỷ lệ giữa các phần không phải luôn luôn giống hệt nhau trong số các hình vẽ.

Tấm lót dùng một lần là tấm lót dùng một lần loại-băng. Fig.1 là hình vẽ sơ lược dạng trải phẳng của tấm lót dùng một lần 10 theo phương án thứ nhất khi được quan sát từ phía bề mặt hướng vào da. Fig.2 là hình chiếu mặt cắt kiểu giản đồ được vẽ theo mặt cắt-ngang 2A-2A của tấm lót dùng một lần được minh họa trên Fig.1. Fig.3 là hình chiếu mặt cắt kiểu giản đồ được vẽ theo mặt cắt-ngang 3A-3A của tấm lót dùng một lần được minh họa trên Fig.1. Các hình vẽ từ Fig.1 đến Fig.3 minh họa tấm lót dùng một lần ở trạng thái được kéo giãn ra. Lưu ý rằng, trạng thái được kéo giãn theo sáng chế này là trạng thái trong đó tấm lót dùng một lần 10 được kéo giãn thành trạng thái trong đó không tạo thành nếp gấp nào. Ngoài ra, trạng thái tự nhiên bình thường theo sáng chế này nghĩa là trạng

thái mà, trong trường hợp tã lót dùng một lần 10 được đựng trong bao gói, tã lót dùng một lần 10 được lấy ra khỏi bao gói và được để trong 24 giờ trong môi trường nằm trong khoảng $20^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$ và độ ẩm tương đối nằm trong khoảng $60\% \pm 5\% \text{ RH}$. Fig.4 là hình chiếu mặt cắt kiểu giản đồ được vẽ theo đường 4A-4A được minh họa trên Fig.1 ở trạng thái được kéo giãn ra. Fig.5 là hình chiếu mặt cắt kiểu giản đồ được vẽ theo đường 4A-4A được minh họa trên Fig.1 ở trạng thái tự nhiên bình thường. Trong hình chiếu mặt cắt kiểu giản đồ được minh họa trên các hình vẽ từ Fig.2 đến Fig.5, để giải thích dễ dàng hơn, các chi tiết tương ứng được minh họa tách biệt theo hướng chiều dày T, nhưng tiếp xúc với nhau theo hướng chiều dày T trong sản phẩm thực tế. Nó là sơ đồ minh họa trạng thái mặc có tham chiếu tới mặt cắt ngang được minh họa trên Fig.5. Ký hiệu BL được minh họa trên Fig.6 biểu diễn đường của cơ thể người mặc.

Tã lót dùng một lần 10 có hướng trước-sau L và hướng chiều rộng W vuông góc với nhau. Hướng trước-sau L được xác định bởi hướng kéo dài về phía trước của cơ thể và phía sau của cơ thể. Nói cách khác, hướng trước-sau L là hướng kéo dài về phía trước và phía sau trong tã lót dùng một lần không gấp 10. Ngoài ra, tã lót dùng một lần 10 có hướng chiều dày T mà vuông góc với cả hướng trước-sau L và hướng chiều rộng W. Hướng chiều dày T kéo dài về phía bề mặt hướng vào da T1 về phía người mặc và phía bề mặt không-hướng vào da T2 đối diện với phía bề mặt hướng vào da.

Tã lót dùng một lần 10 có vùng đường eo trước S1, vùng đường eo sau S2, và vùng đũng S3. Vùng đường eo trước S1 là vùng mà hướng vào đường eo đằng trước (phần bụng) của người mặc. Vùng đường eo sau S2 là vùng hướng vào đường eo đằng sau (lưng) của người mặc, và gồm vùng trong đó cơ thể (các phần hông) được đặt vào khi người mặc sử dụng tã này. Vùng đũng S3 là vùng mà được định vị dưới vùng đũng

của người mặc và được bố trí giữa vùng đường eo trước S1 và vùng đường eo sau S2. Vùng đũng S3 là vùng trong đó các phần mở tại chân 65 được bố trí xung quanh chân của người mặc được bố trí. Phần mở tại chân 65 là phần mà được làm thụt vào phía trong theo hướng chiều rộng từ mép phía ngoài của tã lót dùng một lần.

Tã lót dùng một lần 10 gồm lõi thấm hút 31 gồm vật liệu thấm hút. Lõi thấm hút 31 gồm vật liệu thấm hút như bột giấy được làm vụn hoặc polyme siêu thấm hút (SAP), hoặc hỗn hợp của chúng. Lõi thấm hút 31 có thể được bọc lại bởi vỏ bọc lõi (không được thể hiện). Lõi thấm hút 31 và vỏ bọc lõi có thể tạo thành thân thấm hút. Vỏ bọc lõi được tạo thành từ giấy mỏng hoặc vải không dệt SMS, và có thể được bố trí ở phía bề mặt hướng vào da T1 của lõi thấm hút 31 và phía bề mặt không-hướng vào da T2 của lõi thấm hút 31.

Như được minh họa trên các hình vẽ Fig.2 và Fig.3, tã lót dùng một lần 10 có tám ở phía bề mặt hướng da 20 được định vị ở phía bề mặt hướng vào da T1 từ lõi thấm hút 31. Tám ở phía bề mặt hướng da 20 bọc lõi thấm hút 31 lại và được bố trí trên toàn bộ tã lót dùng một lần 10. Tám ở phía bề mặt hướng da 20 của phương án này gồm tám bề mặt-ở trên 21 và cặp tám bên cạnh 22. Lưu ý rằng, trong tã lót dùng một lần có vỏ bọc lõi, tám ở phía bề mặt hướng da 20 là tám được định vị ở phía bề mặt hướng vào da T1 từ vỏ bọc lõi. Tám bề mặt-ở trên 21 có thể được bố trí để ôm lấy từ hai phía trung tâm của lõi thấm hút 31 theo hướng chiều rộng W. Các tám bên cạnh 22 có thể được bố trí để phủ lên cả hai phần phía ngoài của tám bề mặt-ở trên 21. Tám bề mặt-ở trên 21 và các tám bên cạnh 22 có thể được tạo thành từ tấm thấm chất lỏng như vải không dệt hoặc màng dẻo được tạo lỗ.

Phía trong phần của tám bên cạnh 22 có thể được gấp lại và được chồng lên. Giữa

các tấm bên cạnh 22 làm chổng lên, có thể bố trí chi tiết đàn hồi chống-rò rỉ 61 mà giãn ra và co lại theo hướng trước-sau L. Chi tiết đàn hồi chống-rò rỉ 61 có thể được tạo thành từ dây co giãn mà giãn ra và co lại theo hướng trước-sau L. Tấm bên cạnh 22 nhô lên ở phía bề mặt hướng vào da T1 nhờ sự co lại của chi tiết đàn hồi chống-rò rỉ 61. Tấm bên cạnh 22 và chi tiết đàn hồi chống-rò rỉ 61 tạo thành phần co 63 nhô lên ở phía bề mặt hướng vào da T1. Phần chun chống-rò rỉ 60 có phần co 63 và mép gần chống-rò rỉ 64 đóng vai trò như là trục tựa nhô lên của phần co ở phía ngoài của phần co 63 theo hướng chiều rộng. Mép gần chống-rò rỉ 64 là mép phía trong của vùng mà ở đó tấm bên cạnh và tấm bề mặt-ở trên được nối với với nhau ở phía ngoài của phần co 63 theo hướng chiều rộng. Phần co 63 là bộ phận trong đó tấm bên cạnh 22 không được nối với tấm bề mặt-ở trên 21 và có thể được làm co lại nhờ chi tiết đàn hồi chống-rò rỉ 61, và không gồm bộ phận trong đó chi tiết đàn hồi chống-rò rỉ 61 ở trạng thái không được kéo giãn được bố trí. Phạm vi của phần co 63 theo hướng trước-sau được minh họa trên Fig.1.

Ở đây, phần phía ngoài theo sáng chế này là bộ phận chiếm phạm vi nhất định theo hướng chiều rộng W gồm mép ở phía ngoài theo hướng chiều rộng W, và mép phía ngoài là mép ở phía ngoài theo hướng chiều rộng W. Hơn nữa, phía trong phần là bộ phận chiếm phạm vi nhất định theo hướng chiều rộng W gồm mép ở phía trong theo hướng chiều rộng W, và mép phía trong là mép ở phía trong theo hướng chiều rộng W.

Tã lót dùng một lần 10 có tấm ở phía bề mặt không-hướng da 25 được định vị ở phía bề mặt hướng vào da T1 từ lõi thấm hút 31. Tấm ở phía bề mặt không-hướng da 25 bọc lõi thấm hút 31 lại và được bố trí trên toàn bộ tã lót dùng một lần. Tấm ở phía bề mặt không-hướng da 25 của phương án này gồm tấm bề mặt-ở sau 23 và tấm bên ngoài 24. Lưu ý rằng, trong tã lót dùng một lần có vỏ bọc lõi, tấm ở phía bề mặt không-hướng

da 25 là tấm được định vị ở phía bề mặt không-hướng vào da T2 từ vỏ bọc lõi. Tấm bề mặt ở sau 23 là tấm không thấm-chất lỏng, và có thể sử dụng tấm polyetylen, vải không dệt được phân lớp chứa chủ yếu là polypropylen hoặc tương tự, màng nhựa thoáng khí, tấm có màng nhựa thoáng khí được nối với vải không dệt loại spunbond hoặc spunlace, hoặc tương tự. Tấm bên ngoài 24 có thể được bố trí ở phía bề mặt không-hướng vào da T2 của tấm bề mặt ở sau 23. Tấm bên ngoài 24 có thể được tạo thành từ vải không dệt thấm-chất lỏng. Độ dài của tấm bề mặt ở sau 23 theo hướng chiều rộng W nhỏ hơn so với độ dài của tấm bên ngoài 24 theo hướng chiều rộng W, độ dài của tấm bề mặt ở sau 23 theo hướng trước-sau L có thể nhỏ hơn so với độ dài của tấm bên ngoài 24 theo hướng trước-sau L.

Băng gài 90 được bố trí trong vùng đường eo sau S2. Băng gài 90 có phần góc 92 và phần khóa 93. Ít nhất một phần của phần góc 92 được nối giữa tấm ở phía bề mặt hướng da 20 và tấm ở phía bề mặt không-hướng da 25, và kéo dài ra phía ngoài theo hướng chiều rộng W từ tấm ở phía bề mặt hướng da 20 và tấm ở phía bề mặt không-hướng da 25. Phần khóa 93 được bố trí trên phần góc 92 và được gài riêng vào phần đầu chỉ gài 95 (tham khảo Fig.1). Băng gài 90 kéo dài theo hướng chiều rộng W trong vùng đường eo sau S2, và được gài vào phần đầu chỉ gài 95, nhờ đó giữ tã lót dùng một lần 10 vào cơ thể người mặc. Phần đầu chỉ gài 95 được bố trí trong vùng đường eo trước S1 và được tạo kết cấu sao cho mỗi băng gài 90 được gài vào đó.

Tã lót dùng một lần 10 có cặp 80 được bố trí ở phía bề mặt hướng vào da T1 của tấm ở phía bề mặt hướng da 20 trong vùng đường eo sau S2. Cặp 80 tạo thành chiếc túi mà nhô lên khỏi tấm ở phía bề mặt hướng da 20 ở thời điểm mặc và mở về phía mặt đằng trước. Chiếc túi đựng phân di chuyển về phía phần mở tại eo 66. Kết cấu của cặp

80 sẽ được mô tả chi tiết sau. Phần mở tại eo 66 được tạo thành từ mép đầu sau 10R và mép đầu trước 10F của tã lót dùng một lần, và là bộ phận bao quanh phần quanh-eo ở trạng thái mà ở đó băng gài 90 được gài vào phần đầu chỉ gài 95.

Tã lót dùng một lần 10 có vùng bố trí phần băng R11 kéo dài theo hướng chiều rộng từ băng gài 90, vùng mở eo R12 được định vị ở phía sau từ vùng bố trí phần băng R11, vùng bố trí khóa R13 kéo dài theo hướng chiều rộng từ phần khóa 93 của băng gài, và vùng eo R14 được định vị ở phía sau từ vùng bố trí khóa R13. Phạm vi của mỗi vùng trong các vùng từ R11 đến R14 theo hướng trước-sau L được minh họa trên Fig.1. Vùng bố trí phần băng R11 là vùng giữa mép đầu trước 90F và mép đầu sau 90R của băng gài theo hướng trước-sau L. Do đó, mép đầu trước của vùng bố trí phần băng R11 tương ứng với mép đầu trước 90F của băng gài 90, và mép đầu sau của vùng bố trí phần băng R11 tương ứng với mép đầu sau 90R của băng gài 90. Vùng mở eo R12 là vùng giữa mép đầu sau 90R của băng gài 90 và mép đầu sau 10R của tã lót dùng một lần 10 theo hướng trước-sau L. Do đó, mép đầu trước của vùng mở eo R12 tương ứng với mép đầu sau 90R của băng gài, và mép đầu sau của vùng mở eo R12 tương ứng với mép đầu sau 10R của tã lót dùng một lần 10. Vùng bố trí phần khóa R13 là vùng giữa mép đầu trước 93F và mép đầu sau 93R của phần khóa 93 theo hướng trước-sau L. Do đó, mép đầu trước của vùng bố trí khóa R13 tương ứng với mép đầu trước 93F của phần khóa 93, và mép đầu sau của vùng bố trí khóa R13 tương ứng với mép đầu sau 93R của phần khóa 93. Vùng eo R14 là vùng giữa mép đầu sau 93R của phần khóa 93 và mép đầu sau 10R của tã lót dùng một lần 10 theo hướng trước-sau L. Do đó, mép đầu trước của vùng eo R14 tương ứng với mép đầu sau 93R của phần khóa 93, và mép đầu sau của vùng eo R14 tương ứng với mép đầu sau 10R của tã lót dùng một lần 10.

Giữa tấm bên cạnh 22 và tấm bề mặt-ở sau 23, hoặc giữa tấm bên cạnh 22 và tấm bên ngoài 24, chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 kéo dài theo hướng trước-sau L có thể được bố trí. Chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 có thể được tạo thành từ tấm giãn ra/co lại dạng giống-cạp mà giãn ra và co lại theo hướng trước-sau L. Sự co lại của chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 khiến tã lót dùng một lần 10 vừa với phần quanh-chân ở thời điểm mặc. Chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 được bố trí theo phần mở tại chân 65 ít nhất trong vùng đũng S3 ở phía ngoài từ lõi thấm hút 31 theo hướng chiều rộng W. Chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 được bố trí giữa tấm bên ngoài 24 và tấm bên cạnh 22, và giữa tấm bề mặt-ở sau 23 và tấm bên cạnh 22.

Giữa tấm bên cạnh 22 và tấm bề mặt-ở sau 23, và giữa tấm bên cạnh 22 và tấm bên ngoài 24, chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 kéo dài theo hướng chiều rộng W có thể được bố trí. Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể được tạo thành từ tấm giãn ra/co lại về cơ bản là hình chữ nhật mà giãn ra và co lại theo hướng chiều rộng W. Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 được nối giữa tấm ở phía bề mặt hướng da 20 và tấm ở phía bề mặt không-hướng da 25. Cụ thể hơn là, như được minh họa trên Fig.4, chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 được nối giữa lõi thấm hút 31 và tấm ở phía bề mặt không-hướng da 25 hoặc giữa tấm ở phía bề mặt hướng da 20 và tấm ở phía bề mặt không-hướng da 25 ở trạng thái được kéo giãn theo hướng chiều rộng W. Sự co lại của chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 khiến tã lót dùng một lần 10 vừa với phần quanh-eo ở thời điểm mặc. Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 được bố trí ít nhất trong vùng đường eo sau S2. Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 được bố trí để ôm lấy từ hai phía vùng bố trí khóa R13 và vùng eo R14. Mép đầu sau 45R của chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 được định vị ở phía trước từ mép đầu sau 10R và ở phía sau của vùng bố trí phần băng R11 của tã lót dùng một lần 10. Mép đầu trước 45F của chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 được định vị ở phía trước từ vùng bố trí phần băng R11 và ở phía

trước của mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31. Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 được bố trí để chồng lên tấm bất kỳ trong các tấm ở phía bề mặt hướng da 20 và tấm ở phía bề mặt không-hướng da 25, và tạo thành tấm gia cố của sáng chế. Tấm gia cố là tấm tách biệt khỏi tấm ở phía bề mặt hướng da 20 và tấm ở phía bề mặt không-hướng da 25, và gia cố cho vùng mà ở đó tấm ở phía bề mặt hướng da 20 và tấm ở phía bề mặt không-hướng da 25 được bố trí. Theo phương án này, trạng thái trong đó hai chi tiết chồng lên nhau gồm không chỉ trạng thái trong đó hai chi tiết tiếp xúc và chồng lên nhau, mà còn trạng thái trong đó các chi tiết khác được bố trí giữa hai chi tiết và hai chi tiết không trực tiếp chồng lên.

(3) Kết cấu của cặp

Tiếp theo, kết cấu của cặp 80 sẽ được mô tả chi tiết. Như được minh họa trên Fig.5, cặp 80 có lớp tấm 81 trong đó nhiều tấm được xếp chồng, và chi tiết đàn hồi ở cặp 82 được nối với lớp tấm 81. Lớp tấm 81 của cặp 80 của phương án này gồm lớp vải không dệt thứ nhất 811, lớp vải không dệt thứ hai 812, và lớp màng 813 được bố trí giữa lớp vải không dệt thứ nhất 811 và lớp vải không dệt thứ hai 812. Lớp vải không dệt thứ nhất 811 và lớp vải không dệt thứ hai 812 được tạo thành từ vải không dệt giống như vậy và được gấp lại ở phần sống đỉnh của phần được gấp lại 86 của cặp 80. Lớp vải không dệt thứ nhất 811 được định vị gần nhất với tấm ở phía bề mặt hướng da 20 trong cặp 80.

Chi tiết đàn hồi ở cặp 82 được tạo thành từ chi tiết đàn hồi giống như-ren hoặc giống như-cạp, và được cố định vào lớp tấm 81 ở trạng thái được kéo giãn theo hướng chiều rộng W. Chi tiết đàn hồi ở cặp 82 của phương án này được cố định giữa lớp vải không dệt thứ nhất 811 và lớp màng 813. Nhiều chi tiết đàn hồi ở cặp 82 được bố trí tại

các khoảng hở quăng theo hướng trước-sau L. Nhiều chi tiết đàn hồi ở cặp 82 được bố trí ở mỗi phần trong các phần không-nổi 85 và phần được gấp lại 86 được mô tả sau.

Cặp 80 có thể được bố trí trong vùng lân cận của phần mở tại eo 66 trong vùng đường eo sau S2. Mép phía ngoài 80E của cặp 80 có thể được định vị ở phía ngoài từ mép phía ngoài 31E của lõi thấm hút 31 theo hướng chiều rộng và có thể được định vị ở phía trong từ mép phía trong của băng gài 90 theo hướng chiều rộng. Mép đầu trước 80F của cặp 80 có thể được định vị ở phía sau từ mép đầu trước 90F của băng gài 90. Mép đầu trước 80F của cặp 80 có thể được định vị ở phía trước từ mép đầu sau 90R của băng gài 90. Vì băng gài 90 và cặp 80 chồng lên nhau theo hướng chiều rộng W, tính năng khóa liên động giữa băng gài 90 và cặp 80 có thể được tăng cường. Mép đầu trước 80F của cặp 80 có thể được bố trí ở phía sau từ trung tâm của băng gài 90 theo hướng trước-sau L. Cặp 80 được bố trí trên phía mở eo, và không gian chứa AS của cặp có thể được bố trí rộng rãi.

Tã lót dùng một lần 10 có vùng khoảng trống R15 giữa mép đầu trước 90F của băng gài 90 và mép đầu trước 80F của cặp 80 theo hướng trước-sau L, và giữa mép phía trong của băng gài và mép phía ngoài của lõi thấm hút 31 theo hướng chiều rộng W. Khoảng trống vùng R15 có thể được định vị ở cả hai phía của lõi thấm hút 31 theo hướng chiều rộng. Vùng khoảng trống R15 này và vùng khoảng trống R15 kia có thể được bố trí tại các khoảng hở quăng theo hướng chiều rộng W. Trên Fig.1, vùng khoảng trống R15 được chỉ ra bởi đường gạch chéo.

Cặp 80 có phần nhô lên được tạo kết cấu để nhô lên đối với tấm ở phía bề mặt hướng da 20, và mép gần đóng vai trò như là trục tựa nhô lên của phần nhô lên này. Mép gần có mép gần thứ nhất được định vị ở phía ngoài từ lõi thấm hút 31 theo hướng chiều

rộng, và mép gần thứ hai được định vị trên phía phần mở tại eo 66 từ phần nhô lên.

Cạp 80 được tạo kết cấu để có thể giãn ra và co lại theo hướng chiều rộng W. Cạp 80 có thể được tạo kết cấu để giãn ra và co lại theo hướng chiều rộng nhờ chi tiết đàn hồi ở cạp 82, hoặc có thể được tạo kết cấu để giãn ra và co lại theo hướng chiều rộng nhờ khả năng kéo giãn của lớp tấm. Cạp 80 có thể được tạo kết cấu để ít nhất phần nhô lên có thể co lại, và toàn bộ phần nhô lên, mép gần thứ nhất, và mép gần thứ hai có thể được tạo kết cấu để có thể co lại.

Cạp 80 có phần hướng vào 83 được định vị gần nhất với tấm ở phía bề mặt hướng da 20 trong cạp 80. Phần hướng vào 83 được tạo thành từ bộ phận mà có thể tiếp xúc với tấm ở phía bề mặt hướng da 20, gồm lớp tấm 81 được định vị gần nhất với tấm ở phía bề mặt hướng da 20, và không được gấp lại từ đường gấp lấy làm điểm gốc. Phần hướng vào 83 của phương án này là bộ phận mà không được gấp lại đối với đường gấp FL, và được tạo kết cấu từ bộ phận mà được định vị ở phía bề mặt hướng vào da và phía sau từ đường gấp FL. Trên Fig.4, phần hướng vào 83 được chỉ ra bởi đường gạch chéo. Phần hướng vào 83 được bố trí có phần nối 84 được nối với tấm ở phía bề mặt hướng da 20, và phần không-nối 85 kéo dài tới mặt đằng trước từ phần nối 84 và không được nối với tấm ở phía bề mặt hướng da 20. Trên Fig.4, độ dài X của phần nối 84 theo hướng trước-sau và độ dài Y và phần không-nối 85 theo hướng trước-sau L được chỉ ra. Phần nối 84 tạo thành vùng nối của sáng chế, và phần không-nối 85 tạo thành vùng không nối của sáng chế.

Như được minh họa trên các hình vẽ Fig.5 và Fig.6, không gian chứa AS được xen kẽ giữa phần không-nối 85 của cạp 80 và tấm ở phía bề mặt hướng da 20 tạo thành chiếc túi mà mở ra phía trước. Do đó, phần không-nối 85 tạo thành phần nhô lên của

sáng chế. Mép đầu trước của phần nhô lên là mép đầu trước 85F của phần không-nối 85, và mép đầu sau của phần nhô lên là mép đầu sau 85R của phần không-nối 85. Mép đầu trước 85F của phần không-nối 85 có thể được định vị ở phía trước từ mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31 ở trạng thái được kéo giãn. Phần nối 84 kéo dài tới phía sau từ phần không-nối 85. Mép đầu trước 84F của phần nối 84 tạo thành mép gàn thứ hai của sáng chế. Phần nối 84 kéo dài theo hướng trước-sau từ mép gàn thứ hai. Mép đầu sau 84R của phần nối 84 có thể kéo dài tới mép đầu sau 80R của cặp 80 và có thể tương ứng với mép đầu sau 10R của tấm lót dùng một lần 10. Mép đầu trước 84F của phần nối 84 tạo thành mép đầu sau của chiếc túi. Mép đầu trước 84F của phần nối 84 có thể được định vị ở phía sau từ mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31 ở trạng thái được kéo giãn, hoặc có thể tương ứng với mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31. Trong tấm lót dùng một lần 10 của phương án này, các vị trí của mép đầu sau 84R của phần nối 84, mép đầu sau 83R của phần hướng vào 83, mép đầu sau 80R của cặp, và mép đầu sau 10R của tấm lót dùng một lần 10 tương ứng với với nhau theo hướng trước-sau L.

Lưu ý rằng, nếu mép đầu sau 84R của phần nối 84 được tạo kết cấu để được định vị ở phía trước từ mép đầu sau 80R của cặp 80, phần không-nối có thể được bố trí ở phía sau từ phần nối 84. Phần không-nối được định vị ở phía sau từ phần nối 84 không mở về phía mặt đằng trước để tạo thành chiếc túi. Do đó, ngay cả nếu chiếc túi bị cắt nhầm do lỗi trong quá trình sản xuất được mô tả sau, việc chiếc túi được hình thành không bị ảnh hưởng. Ngoài ra, phần không-nối được định vị ở phía sau từ phần nối 84 có thể được gấp ở phía cách xa tấm ở phía bề mặt hướng da 20 từ đường gấp, lấy làm điểm góc, kéo dài theo hướng chiều rộng tại mép đầu sau của phần không-nối.

Cặp 80 có phần nối ở bên cạnh 87 được nối với tấm ở phía bề mặt hướng da 20

ở phía ngoài từ phần không-nổi 85 tạo thành phần nhô lên theo hướng chiều rộng. Mép phía ngoài 87E của phần nổi ở bên cạnh 87 có thể được bố trí trong vùng lân cận của mép phía ngoài 80E của cặp 80 và có thể chạm tới mép phía ngoài 80E của cặp 80. Mép phía trong 87I của phần nổi ở bên cạnh 87 có thể được định vị ở phía ngoài từ mép phía ngoài 31E của lõi thấm hút 31 theo hướng chiều rộng W, và được tạo khoảng hở đối với lõi thấm hút 31 theo hướng chiều rộng W. Mép phía trong 87I của phần nổi ở bên cạnh 87 tạo thành mép gần thứ nhất của sáng chế. Trên Fig.1, phần không-nổi 85, phần nổi ở bên cạnh 87, và phần nổi 84 tạo thành phần nhô lên được chỉ ra bởi các đường gạch chéo khác nhau.

Phần không-nổi 85 kéo dài tới mặt phẳng trước từ phần nổi 84. Cặp 80 có thể có phần được gấp lại 86 được gấp lại xung quanh đường gấp FL lấy làm điểm gốc kéo dài theo hướng chiều rộng W tại mép đầu trước 85F của phần không-nổi 85. Phần không-nổi 85 được bố trí từ mép đầu trước 84F của phần nổi 84 đến đường gấp FL. Mép đầu trước 85F của phần không-nổi 85 tạo thành mép đầu trước 83F của phần hướng vào 83 và mép đầu trước 80F của cặp 80, và tương ứng với đường gấp FL. Độ dài của phần không-nổi 85 theo hướng trước-sau L là khoảng cách giữa mép đầu trước 84F của phần nổi 84 và đường gấp FL. như được minh họa trên Fig.6, phần được gấp lại 86 được gấp ở phía cách xa tám ở phía bề mặt hướng da 20, và trở thành vùng tiếp xúc với cơ thể. Nhờ bố trí phần được gấp lại 86 tiếp xúc với cơ thể, việc đảm bảo không gian chứa bởi chiếc túi trở nên dễ dàng hơn. Cặp 80 theo ví dụ được cải biên có thể không có phần được gấp lại 86.

Phần được gấp lại 86 kéo dài tới phía sau từ mép đầu trước 85F của phần không-nổi 85. Ở trạng thái được kéo giãn, mép đầu sau 86R của phần được gấp lại 86 có thể

trương ứng với mép đầu sau 83R của phần hướng vào 83, có thể ở phía trước từ mép đầu sau 83R của phần hướng vào 83, hoặc có thể ở phía sau từ mép đầu sau 83R của phần hướng vào 83. Theo phương án này, mép đầu sau 86R của phần được gấp lại 86 tương ứng với mép đầu sau 83R của phần hướng vào 83 theo hướng trước-sau L. Lưu ý rằng, nếu mép đầu sau 86R của phần được gấp lại 86 được tạo kết cấu để được định vị ở phía trước từ mép đầu sau 83R của phần hướng vào 83, mép đầu sau 83R của phần hướng vào 83 tạo thành mép đầu sau 80R của cặp 80. Nếu mép đầu sau 86R của phần được gấp lại 86 được tạo kết cấu để được định vị ở phía sau từ mép đầu sau 83R của phần hướng vào 83, mép đầu sau 86R của phần được gấp lại 86 tạo thành mép đầu sau 80R của cặp 80.

Như được minh họa trên các hình vẽ Fig.2 và Fig.3, phần phía ngoài của phần được gấp lại 86 được nối qua phần nối thứ hai 88 đối với một phần (phần hướng vào 83) của cặp mà không được gấp lại. Phần nối thứ hai 88 được bố trí thành cặp ở cả hai phía của phần được gấp lại 86 theo hướng chiều rộng. Trong vùng giữa cặp các phần nối thứ hai 88, phần được gấp lại 86 nhô lên ở phía người mặc đối với phần hướng vào 83.

Cặp theo ví dụ được cải biên có thể được gấp lại ở phía cách xa tám ở phía bề mặt hướng da 20 từ đường gấp, lấy làm điểm gốc, kéo dài theo hướng chiều rộng W tại mép đầu sau 86R của phần được gấp lại 86. Phần được gấp lại 86 được gấp thêm, để cặp 80 nhô lên gần hơn với phía người mặc, và cặp 80 được đưa vào tiếp xúc với cơ thể dễ dàng hơn.

Mép đầu trước 80F của cặp 80 có thể được định vị trong vùng bố trí phần băng R11 hoặc trong vùng bố trí khóa R13 ở trạng thái được kéo giãn. Nghĩa là, mép đầu trước 80F của cặp 80 có thể được định vị ở phía trước từ mép đầu trước của vùng eo

R14, hoặc có thể được định vị ở phía trước từ mép đầu trước của vùng mở eo R12.

Mép đầu sau 80R của cặp 80 được bố trí ở phía sau từ trung tâm R14CL theo hướng trước-sau của vùng eo R14 ở trạng thái được kéo giãn. Vùng eo R14 được định vị ở phía sau từ vùng bố trí khóa R13. Vùng bố trí phân khóa R13 là vùng để giữ tã lót dùng một lần 10 đối với cơ thể ở trạng thái trong đó phần khóa 93 được gài vào phần dấu chỉ gài 95 ở thời điểm mặc. Vùng eo R14, mà được định vị ở phía sau từ vùng bố trí khóa R13, việc nhận được lực để giữ vùng này ở xung quanh đường eo của người mặc bằng băng gài 90 hoặc tương tự là ít có xu hướng hơn, và vùng eo R14 biến đổi hình dạng tương đối dễ dàng trong vùng đường eo sau S2. Độ bền chắc của vùng eo R14 có thể được làm tăng lên nhờ bố trí cặp 80 trong vùng eo R14. Cặp 80 được bố trí tại một nửa hoặc nhiều hơn độ dài của vùng eo R14 theo hướng trước-sau L. Do đó, độ bền chắc được làm tăng lên trên một nửa hoặc nhiều hơn của độ dài của vùng eo R14 theo hướng trước-sau L, và độ bền chắc của vùng eo R14 dễ dàng được đảm bảo. Có thể ngăn vấn đề như xoay vùng eo R14, và ngăn sự rò rỉ ở phía sau.

Ngoài ra, chiếc túi của cặp 80 được tạo thành nhờ không gian chứa AS được xen kẽ giữa phần không-nổi 85 của phần hướng vào 83 và tấm ở phía bề mặt hướng da 20. Phần nổi 84 được bố trí trên phía phần mở tại eo 66 từ phần không-nổi 85. Vì phần không-nổi 85 được bố trí ở phía trước từ phần nổi 84, một phần (ví dụ, mép đầu sau của cặp 80) của cặp 80 do các lỗi sản xuất như vậy dễ bị cắt, chiếc túi ít có xu hướng bị cắt hơn. Do đó, chức năng là chiếc túi có thể được duy trì một cách dễ dàng, chiếc túi được tạo thành bởi cặp 80 có thể được tạo thành một cách phù hợp, và có thể ngăn việc xảy ra sự rò rỉ ở phía sau.

Mép đầu sau 80R của cặp 80 có thể được bố trí ở phía sau của phần trung tâm

R12CL của vùng mở eo R12 theo hướng trước-sau L ở trạng thái được kéo giãn. Vùng mở eo R12 được định vị ở phía sau từ vùng bố trí phần băng R11. Vùng bố trí phần băng R11 là vùng for giữ tã lót dùng một lần đối với cơ thể ở trạng thái trong đó băng gài 90 được gài vào phần đầu chỉ gài 95 ở thời điểm mặc. Vùng mở eo R12, mà được định vị ở phía sau của vùng bố trí phần băng R11, việc nhận lực để giữ vùng này xung quanh đường eo của người mặc là ít có xu hướng hơn, và vùng mở eo R12 biến đổi hình dạng dễ dàng hơn trong vùng đường eo sau S2. Ngoài ra, khi tã lót dùng một lần được tạo kết cấu như được mô tả ở trên được mặc vào người mặc ở trạng thái đang ngủ, vùng đường eo sau S2 có thể được để xen giữa cơ thể của người mặc và giường hoặc tương tự. Lúc này, vùng mở eo R12 được định vị ở đầu tại thời điểm được gài, và là vùng dễ dàng bị lật lại hoặc bị gấp lên. Độ bền chắc của vùng mở eo R12 có thể được làm tăng lên nhờ bố trí cạp 80 trong vùng mở eo R12. Cạp 80 được bố trí tại một nửa hoặc nhiều hơn độ dài của vùng mở eo R12 theo hướng trước-sau L. Do đó, độ bền chắc được làm tăng lên trên một nửa hoặc nhiều hơn của độ dài của vùng mở eo R12 theo hướng trước-sau L, và độ bền chắc của vùng mở eo R12 dễ dàng được đảm bảo. Có thể ngăn vấn đề như sự lật lại của vùng mở eo R12, và ngăn sự rò rỉ ở phía sau.

Tốt hơn là, mép đầu sau 84R của phần nối 84 có thể được bố trí ở phía sau từ trung tâm R14CL theo hướng trước-sau của vùng eo R14 ở trạng thái được kéo giãn. Phần nối 84 là vùng được nối với tấm ở phía bề mặt hướng da 20, và có thể làm tăng thêm độ bền chắc của vùng eo R14. Do đó, tác dụng làm tăng độ bền chắc của vùng eo R14 và ngăn sự rò rỉ ở phía sau có thể dễ dàng đạt được hơn. Tốt hơn nữa là, mép đầu sau 84R của phần nối 84 có thể được bố trí ở phía sau từ phần trung tâm R12CL theo hướng trước-sau của vùng mở eo R12 ở trạng thái được kéo giãn. Tác dụng làm tăng độ bền chắc của vùng mở eo R12 và ngăn sự rò rỉ ở phía sau có thể dễ dàng đạt được hơn.

Còn tốt hơn nữa là, mép đầu sau 84R của phần nối 84 có thể chạm tới mép đầu sau 10R của tấm lót dùng một lần 10 ở trạng thái được kéo giãn. Có thể làm tăng độ bền chắc của mép đầu sau 10R của tấm lót dùng một lần 10, và dễ dàng hơn để đảm bảo độ bền chắc của vùng mở eo R12. Có thể ngăn vấn đề như sự lật lại của vùng mở eo R12, và ngăn sự rò rỉ ở phía sau tốt hơn.

Mép đầu sau 85R của phần không-nối 85 có thể được định vị ở phía sau từ trung tâm của vùng bố trí khóa R13 theo hướng trước-sau L ở trạng thái được kéo giãn. Mép đầu sau 85R của phần không-nối 85 tạo thành mép đầu sau của chiếc túi được xen kẽ giữa phần không-nối 85 của phần hướng vào 83 và tấm ở phía bề mặt hướng da 20. độ dài của phần không-nối 85 theo hướng trước-sau L có thể được đảm bảo, và không gian chứa rộng của chiếc túi nhờ phần không-nối 85 có thể được bố trí.

Mép đầu trước 84F của phần nối 84 có thể được định vị ở phía trước từ mép đầu sau của vùng bố trí khóa R13 ở trạng thái được kéo giãn. Có thể đảm bảo độ dài của phần nối 84 theo hướng trước-sau L, và làm tăng thêm độ bền chắc của vùng mà ở đó cặp 80 được bố trí. Do đó, có thể ngăn vấn đề như sự lật lại của vùng eo R14 tốt hơn, và ngăn sự rò rỉ ở phía sau.

Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 làm tấm gia cố có thể được bố trí trong vùng eo R14. Tốt hơn nữa là, chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể được bố trí tại một nửa hoặc nhiều hơn độ dài của vùng eo R14 theo hướng trước-sau L. Do đó, độ bền chắc được làm tăng lên trên một nửa hoặc nhiều hơn của độ dài của vùng eo R14 theo hướng trước-sau L, và độ bền chắc của vùng eo R14 dễ dàng được đảm bảo. Có thể ngăn vấn đề như sự lật lại của vùng eo R14, và ngăn sự rò rỉ ở phía sau. Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 làm tấm gia cố có thể được bố trí trong vùng mở eo R12. Có thể ngăn vấn đề như sự lật lại của

vùng mở eo R12, và ngăn sự rò rỉ ở phía sau.

Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể được bố trí ôm lấy từ hai phía các băng gài 90 bên trái và bên phải. Vùng có độ bền chắc cao được bố trí liên tiếp theo hướng chiều rộng bởi băng gài 90 và chi tiết đàn hồi quanh-eo 45. Do đó, có thể ngăn sự gập lên lên trong vùng lân cận của phần mở tại eo trong vùng đường eo sau, và có thể ngăn sự rò rỉ trong vùng đường eo sau tốt hơn.

Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 làm tấm gia cố có thể được bố trí trong vùng khoảng trống R15 của tã lót dùng một lần. Vùng giữa cặp 80 và băng gài 90 theo hướng chiều rộng W được gia cố nhờ chi tiết đàn hồi quanh-eo 45, và băng gài 90 và cặp 80 dễ dàng được khóa liên động. Do đó, khi băng gài 90 được kéo về phía ngoài của hướng chiều rộng W, cặp 80 được khóa liên động và được kéo theo hướng chiều rộng W, và cặp 80 dễ dàng nhô lên từ tấm ở phía bề mặt hướng da 20. Cặp 80 tạo thuận lợi để tạo thành chiếc túi.

Hơn nữa, mép đầu trước 80F của cặp 80 được định vị gần hơn với phía phần mở tại eo 66 từ mép đầu trước 90F của băng gài 90, và ở trạng thái mặc, cặp 80 dễ dàng bọc các phần mông và dễ dàng đựng phân từ các phần mông. Lúc này, vùng giữa mép đầu trước 80F của cặp 80 và mép đầu trước 90F của băng gài 90 theo hướng trước-sau L được gia cố nhờ chi tiết đàn hồi quanh-eo 45, để khó mà thay đổi hình dạng và các nếp gập ít có xu hướng được tạo ra hơn. Do đó, có thể ngăn cặp 80 khỏi bị kéo xuống phía dưới do sự biến đổi hình dạng giữa mép đầu trước 80F của cặp 80 và mép đầu trước 90F của băng gài 90 theo hướng trước-sau L. Do đó, có thể liên tục phủ cặp 80 lên các phần mông, và có thể ngăn sự rò rỉ ở phía sau.

Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể được bố trí trong ít nhất một phần của vùng

khoảng trống R15. Tốt hơn là, độ dài của chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 được bố trí trong vùng khoảng trống R15 theo hướng chiều rộng W có thể là 1/2 hoặc nhiều hơn của độ dài của vùng khoảng trống R15 theo hướng chiều rộng W. Nghĩa là, trong mỗi vùng trong số các vùng khoảng trống R15, chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể được bố trí trên 1/2 hoặc nhiều hơn của độ dài của vùng khoảng trống R15 theo hướng chiều rộng W. Ngoài ra, độ dài của chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 được bố trí trong vùng khoảng trống R15 theo hướng trước-sau L có thể là 1/2 hoặc nhiều hơn của độ dài của vùng khoảng trống R15 theo hướng trước-sau L. Nghĩa là, trong mỗi của các vùng khoảng trống R15, chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể được bố trí trên 1/2 hoặc nhiều hơn của độ dài của vùng khoảng trống R15 theo hướng trước-sau L. Độ bền chắc của vùng khoảng trống R15 có thể được làm tăng lên nhiều hơn nhờ chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 để ngăn cặp 80 khỏi bị kéo xuống phía dưới, và cặp 80 có thể dễ dàng nhô lên hơn nhờ khóa liên động với băng gài 90. Theo phương án này, chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 được bố trí trong toàn bộ vùng của vùng khoảng trống R15, và sự biến đổi hình dạng của toàn bộ vùng của vùng khoảng trống R15 có thể được ngăn lại.

Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 lấy làm tấm gia cố có thể có khả năng kéo giãn trong đó ít nhất một phần giãn ra và co lại theo hướng chiều rộng W. Khi chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 giãn ra và co lại theo hướng chiều rộng W, có thể làm tăng hoạt động khóa liên động của băng gài 90 và cặp 80 ở thời điểm mặc. Ngoài ra, khi chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 được kéo dài ở trạng thái trong đó người mặc ở tư thế dồn về phía trước, vùng đường eo sau S2 có thể đi theo cơ thể, và vùng đường eo sau S2 có thể tiếp tục vừa với cơ thể. Ngoài ra, bộ phận mà ở đó vùng khoảng trống R15 được áp vào người mặc là bộ phận mà ở phía trên tính từ phần cong lên của mông của người mặc và được làm thụt vào theo cơ thể. Ngoài ra, trong vùng khoảng trống R15, lõi thấm hút 31 không

được bố trí, và khoảng hở đối với cơ thể có xu hướng xuất hiện. Bằng cách làm co ít nhất một phần của vùng khoảng trống R15 trong đó khoảng hở có xu hướng được tạo ra bởi chi tiết đàn hồi quanh-eo 45, có thể ngăn việc vùng đường eo sau S2 vừa với cơ thể và khoảng hở giữa cơ thể và tã lót được tạo ra. Tấm gia cố có thể có khả năng kéo giãn trên toàn bộ vùng. Theo ví dụ được cải biên, tấm gia cố có thể không có khả năng kéo giãn.

Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể chồng lên cạp 80 theo hướng chiều dày T. Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 và cạp 80 được khóa liên động với nhau dễ dàng hơn, và khi băng gài 90 được kéo ở thời điểm mặc, cạp 80 được khóa liên động được kéo qua chi tiết đàn hồi quanh-eo 45, nhờ đó làm cho việc tạo thành chiếc túi nhờ cạp 80 dễ dàng hơn.

Lưu ý rằng chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể chồng lên ít nhất một phần của cạp 80, và có thể tốt hơn là chồng lên toàn bộ vùng cạp 80. Lực được kéo theo hướng chiều rộng W trên toàn bộ cạp 80 theo hướng chiều rộng W có thể truyền đi. Ngoài ra, cạp 80 nhô lên ở phía người mặc đối với tấm ở phía bề mặt hướng da 20 và chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 theo hướng chiều dày T. Độ bền chắc của cạp 80 ở phía chân tại thời điểm sự nhô lên được làm tăng lên, và cạp 80 dễ dàng nhô lên hơn ở phía người mặc.

Ngoài ra, chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể chồng lên băng gài 90 theo hướng chiều dày T. Khi kéo băng gài 90 ở thời điểm mặc, lực kéo về phía ngoài của hướng chiều rộng W dễ dàng tác động vào chi tiết đàn hồi quanh-eo 45. Cạp 80 có thể được khóa liên động và được kéo qua chi tiết đàn hồi quanh-eo 45, nhờ đó làm cho việc tạo thành chiếc túi nhờ cạp 80 dễ dàng hơn. Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể chồng lên ít nhất một phần của phần góc 92 của băng gài 90.

Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể kéo dài tới mặt đằng trước từ mép đầu trước 90F của băng gài 90. Vùng trên phía đũng từ băng gài 90 biến đổi hình dạng dễ dàng do lực tạo ra bởi chuyển động của người mặc hoặc tương tự. Ngay cả trong vùng của phía vùng đũng từ băng gài 90, độ bền chắc được làm tăng lên nhờ chi tiết đàn hồi quanh-eo 45, và nhờ đó có thể ngăn sự biến đổi hình dạng.

Khu vực của vùng mà ở đó cạp 80 và chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 chồng lên nhau có thể lớn hơn so với khu vực của vùng mà ở đó băng gài 90 và chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 chồng lên nhau. Băng gài 90 được bố trí trong cùng lớp giống với chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 theo hướng chiều dày T, và băng gài 90 và chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 tương đối dễ khóa liên động. Mặt khác, cạp 80 được bố trí ở phía bề mặt hướng vào da của tấm ở phía bề mặt hướng da 20, và được bố trí để lệch khỏi chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 theo hướng chiều dày T. Bằng cách làm tăng khu vực của vùng mà ở đó cạp 80 và chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 chồng lên nhau, tính năng khóa liên động giữa chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 và cạp 80 có thể cũng được tăng cường.

Khoảng cách giữa mép đầu sau 90R của băng gài 90 và mép đầu trước 80F của cạp 80 có thể nhỏ hơn so với khoảng cách giữa mép đầu trước 90F của băng gài 90 và mép đầu trước 80F của cạp 80. Nghĩa là, mép đầu trước 80F của cạp 80 được định vị ở phía sau từ trung tâm của băng gài 90 (trung tâm của vùng bố trí phần băng) theo hướng trước-sau L. Khi cạp 80 được bố trí trong vùng lân cận của phía phân mở tại eo 66, các phần mỏng có thể được phủ lên dễ dàng hơn, và sự rò rỉ của phân có thể được ngăn lại. Ngoài ra, vì vùng khoảng trống R15 có thể được gia cố nhờ chi tiết đàn hồi quanh-eo 45, ngay cả nếu cạp 80 được bố trí trong vùng lân cận của phía phân mở tại eo 66, cạp 80 được ngăn khỏi bị kéo xuống phía đũng, và chiếc túi nhờ cạp 80 có thể được bố trí

liên tiếp ở phía trên của các phần mông.

Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể được bố trí trong vùng mà không chồng lên chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 theo hướng chiều dày T. Có thể ngăn chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 gấp vào do sự co lại của chi tiết đàn hồi quanh-chân 42, và dễ dàng hơn để đạt được tác dụng ngăn sự biến đổi hình dạng của vùng khoảng trống R15 nhờ chi tiết đàn hồi quanh-eo 45.

Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể được bố trí trong vùng kéo dài tới phía sau từ mép đầu sau 42R của chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 theo hướng trước-sau L. Vùng kéo dài tới phía sau theo hướng trước-sau L từ mép đầu sau của chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 là vùng kéo dài tới phía sau theo hướng trước-sau L từ mép đầu sau 42R của chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 được bố trí ở trạng thái được kéo giãn (không gồm chi tiết đàn hồi quanh-chân được bố trí ở trạng thái không-được kéo giãn). Fig.1 minh họa mép đầu sau 42R của chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 được bố trí ở trạng thái được kéo giãn. Vùng kéo dài tới phía sau từ mép đầu sau của chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 dễ dàng được kéo xuống phía vùng dừng nhờ sự co lại của chi tiết đàn hồi quanh-chân 42. Vùng kéo dài tới phía sau theo hướng trước-sau L từ mép đầu sau 42R của chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 được gia cố nhờ chi tiết đàn hồi quanh-eo 45, và khó để mà bị kéo xuống phía vùng dừng. Có thể ngăn cặp 80 khỏi bị kéo xuống phía dừng. Do đó, có thể liên tục phủ cặp 80 lên các phần mông, và có thể ngăn sự rò rỉ ở phía sau.

Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể chồng lên mép gần của cặp 80 theo hướng chiều dày T. Theo phương án này, chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 chồng lên mép phía trong 87I của phần nổi ở bên cạnh 87 là mép gần thứ nhất và mép đầu trước 84F của phần nổi 84 là mép gần thứ hai. Lưu ý rằng chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể chồng lên ít nhất

một phần của mép gần của cặp 80, và có thể tốt hơn là chồng lên toàn bộ vùng của mép gần của cặp 80. Khi kéo băng gài 90 ở thời điểm mặc, mép gần của cặp 80 có thể được khóa liên động và được kéo qua chi tiết đàn hồi quanh-eo 45. Khi mép gần của cặp 80 được kéo, phần nhô lên của cặp 80 dễ dàng nhô lên hơn, nhờ đó làm cho việc tạo thành chiếc túi nhờ cặp 80 dễ dàng hơn.

Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể được bố trí để ôm lấy vùng khoảng trống R15 này và vùng khoảng trống R15 kia. Một chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể gia cố cho cả vùng khoảng trống R15 này và vùng khoảng trống R15 kia. Hơn nữa, khi chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 được bố trí liên tiếp trong vùng giữa băng gài 90 bên trái và bên phải theo hướng chiều rộng W, có thể làm tăng tính năng khóa liên động của băng gài 90 bên trái và bên phải. Do đó, có thể ngăn vùng đường eo sau S2 vừa hơn với cơ thể và khoảng hở được tạo thành giữa cơ thể và tã lót.

Cặp 80 có thể được bố trí trong vùng mà không chồng lên phần co 63 của phần chun chống-rò rỉ 60 theo hướng chiều dày T. Có thể ngăn chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 gấp vào do sự co lại của phần co 63, và dễ dàng hơn để đạt được tác dụng ngăn sự biến đổi hình dạng của vùng khoảng trống R15 nhờ chi tiết đàn hồi quanh-eo 45.

Tải trọng kéo đứt của cặp 80 theo hướng chiều rộng W có thể thấp hơn so với tải trọng kéo đứt của chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 theo hướng chiều rộng W. Khi nó được kéo ra phía ngoài theo hướng chiều rộng W ở thời điểm mặc, cặp 80 kéo dài trước, và sau đó chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 kéo dài. Cặp 80 có xu hướng kéo dài và nhô lên trên khỏi phía cơ thể dễ dàng hơn. Do đó, cặp 80 vừa hơn với cơ thể, và có thể ngăn sự rò rỉ ở phía sau tốt hơn.

Tải trọng kéo đứt của chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 theo hướng trước-sau L có

thể thấp hơn so với tải trọng kéo đứt của chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 theo hướng chiều rộng W. Khi mặc tã lót loại-băng, ở trạng thái trong đó phần lưng của người mặc được đặt vào trong vùng đường eo sau S2, vùng đường eo trước được kéo trong khi vùng đũng được đặt vào giữa cả hai chân của người mặc, và phần bụng được phủ lên bởi vùng đường eo trước. Khi tã lót được kéo ở thời điểm mặc, chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 kéo dài trước, và sau đó chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 kéo dài. Các chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 có xu hướng kéo dài và có khả năng cao hơn vừa với phần quanh-chân của người mặc. Chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 có thể được làm cho vừa với cơ thể để ngăn sự rò rỉ sang bên cạnh.

Tải trọng kéo đứt của chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 theo hướng trước-sau L có thể thấp hơn so với tải trọng kéo đứt của cặp 80 theo hướng chiều rộng W. Các chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 có xu hướng kéo dài ở thời điểm mặc và có khả năng cao hơn vừa với phần quanh-chân của người mặc, và sự rò rỉ sang bên cạnh có thể được ngăn lại. Ngoài ra, cặp 80 có tải trọng kéo đứt tương đối cao và khó mà bị kéo dài ra. Do đó, cặp 80 kéo dài ít hơn so với chi tiết đàn hồi quanh-chân, và vị trí theo hướng trước-sau L khó mà bị dịch chuyển. Do đó, có thể ngăn cặp 80 khỏi bị dịch chuyển tới phía đũng khi chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 kéo dài, và làm cho chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 vừa với phần quanh-chân trong khi duy trì vị trí của cặp 80 theo hướng trước-sau. Do đó, cả sự rò rỉ sang bên cạnh và sự rò rỉ ở phía sau có thể được ngăn lại.

Tải trọng kéo đứt của cặp 80 theo hướng chiều rộng W, tải trọng kéo đứt của chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 theo hướng trước-sau L, và tải trọng kéo đứt của chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 theo hướng chiều rộng W có thể được đo như sau. Tã lót dùng một lần được tháo rời ra bằng cách sử dụng sản phẩm xịt lạnh, cặp 80, chi tiết đàn hồi quanh-

eo 45, và chi tiết đàn hồi quanh-chân 42 được lấy ra để chuẩn bị mẫu. Mẫu được cố định giữa các kẹp của máy thử độ kéo giãn (ví dụ, "RTA-100" được sản xuất bởi Công ty TNHH Orientec). Độ dài của mẫu ở trạng thái ban đầu là trạng thái tự nhiên bình thường. Sau đó, mẫu được cố định giữa các kẹp kéo dài cho đến khi độ dài trở thành 1,5 lần độ dài ở trạng thái ban đầu, và tải trọng tại thời điểm đó được thiết lập là tải trọng kéo đứt tại thời điểm độ kéo giãn là 1,5 lần.

Tã lót dùng một lần 10 có thể thỏa mãn $S \geq Y$ khi khoảng cách giữa mép gần thứ nhất và lõi thấm hút 31 ở trạng thái được kéo giãn theo hướng chiều rộng W được thiết lập là S, và độ dài của phần nhô lên ở trạng thái được kéo giãn theo hướng trước-sau được thiết lập là Y. Như được minh họa trên Fig.2, S là khoảng cách giữa mép phía trong 87I của phần nối ở bên cạnh 87 và mép phía ngoài 31E của lõi thấm hút 31 ở trạng thái được kéo giãn theo hướng chiều rộng W. Như được minh họa trên Fig.4, Y là độ dài của phần không-nối 85 ở trạng thái được kéo giãn theo hướng trước-sau. Phần không-nối 85 đóng vai trò như là phần nhô lên của cặp 80 được tạo kết cấu để nhô lên đối với mép đầu trước 84F của phần nối 84 và mép phía trong 87I của phần nối ở bên cạnh 87, và tạo thành không gian chứa để đựng phân. Lúc này, vì khoảng cách S giữa phần nối ở bên cạnh 87 và lõi thấm hút 31 theo hướng chiều rộng W bằng với hoặc lớn hơn so với độ dài Y của phần không-nối 85 theo hướng trước-sau L, có thể tạo thành chiếc túi sao cho độ dài của không gian chứa AS nhô lên đối với mép phía ngoài 31E của lõi thấm hút 31 bằng với hoặc lớn hơn so với độ dài của không gian chứa AS nhô lên đối với phần nối 84. Do đó, mép phía ngoài của không gian chứa không khó khăn để nhô lên do độ bền chắc của lõi thấm hút 31, và toàn bộ không gian chứa dễ dàng nhô lên, và việc đảm bảo không gian chứa trở nên dễ dàng. Có thể đảm bảo không gian chứa của chiếc túi nhờ cặp 80 và ngăn việc xảy ra sự rò rỉ ở phía sau.

Tã lót dùng một lần 10 có thể thỏa mãn $S \leq Y + U$ khi khoảng cách giữa mép đầu sau của lõi thấm hút 31 và mép gần thứ hai ở trạng thái được kéo giãn theo hướng trước-sau được thiết lập là U. như được minh họa trên Fig.4, U là khoảng cách giữa mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31 và mép đầu trước 84F của phần nối 84 ở trạng thái được kéo giãn theo hướng trước-sau L. Vì mép đầu trước 84F của phần nối 84 được định vị ở phía sau từ mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31, mép đầu trước 84F của phần nối 84 có thể nhô lên thêm về phía người mặc đối với mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31. Lúc này, độ cao của phần nhô lên của không gian chứa trở thành $Y + U$. Vì độ dài của không gian chứa bởi S bằng với hoặc nhỏ hơn so với độ cao của phần nhô lên của không gian chứa bởi $Y + U$, có thể ngăn độ cao của phần nhô lên của không gian chứa bởi $Y + U$. Vùng giữa lõi thấm hút 31 và phần nối 84 được định vị giữa trực tựa nhô lên của cặp 80 và lõi thấm hút 31, và có độ bền chắc thấp và dễ thay đổi hình dạng khi được so sánh với cả hai phía theo hướng trước-sau. Bằng cách thỏa mãn $S \leq Y + U$, vùng giữa lõi thấm hút 31 và phần nối 84 được ngăn khỏi bị thay đổi hình dạng do độ cao vượt quá của phần nhô lên của không gian chứa là $Y + U$, và dễ dàng để đảm bảo không gian chứa của chiếc túi.

Tã lót dùng một lần 10 có thể thỏa mãn $V \geq U$ khi mép đầu trước 85F của phần không-nối 85 được định vị ở phía trước từ mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31, và khoảng cách giữa mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31 và mép đầu trước của phần nhô lên ở trạng thái được kéo giãn theo hướng trước-sau được thiết lập là V. như được minh họa trên Fig.4, V là khoảng cách giữa mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31 và mép đầu trước 85F của phần không-nối 85 ở trạng thái được kéo giãn theo hướng trước-sau L. Theo phương án trong đó cặp và lõi thấm hút chồng lên nhau theo hình chiếu phẳng, khoảng cách V giữa mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31 và mép đầu trước 85F của

phần không-nổi 85 ở trạng thái được kéo giãn theo hướng trước-sau L trở thành độ dài của vùng chùng lên lõi thấm hút 31 trong phần nhô lên theo hướng trước-sau. Độ dài (V) của vùng chùng lên lõi thấm hút 31 trong phần nhô lên theo hướng trước-sau bằng với hoặc dài hơn so với độ dài (U) của vùng mà không chùng lên lõi thấm hút 31 trong phần nhô lên theo hướng trước-sau. Trong vùng chùng lên lõi thấm hút trong phần nhô lên, lõi thấm hút có độ bền chắc cao được định vị ở phía bề mặt không-hướng vào da khi được so sánh với vùng mà không chùng lên lõi thấm hút, và có khả năng nhô lên nhiều hơn ở phía người mặc. Khi $V \geq U$ được thỏa mãn, phần nhô lên trở nên dễ nhô lên hơn.

Ngoài ra, theo ví dụ được cải biên, tã lót dùng một lần 10 có thể thỏa mãn $U > V$ bằng cách định vị trí mép đầu trước 85F của phần không-nổi 85 ở phía trước từ mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31. Độ dài (U) của vùng mà không chùng lên lõi thấm hút 31 trong phần nhô lên theo hướng trước-sau L dài hơn so với độ dài (V) của vùng chùng lên lõi thấm hút 31 trong phần nhô lên theo hướng trước-sau. Nói cách khác, độ dài của phần nhô lên được bố trí ở phía sau từ mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31 theo hướng trước-sau L dài hơn so với độ dài của phần nhô lên được bố trí ở phía trước của mép đầu sau của lõi thấm hút theo hướng trước-sau L. Do đó, chiếc túi của cặp có thể được tạo thành lớn hơn ở phía sau từ mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31. Người sử dụng có thể hiểu được rằng chiếc túi của cặp 80 được bố trí lớn hơn ở phía sau từ lõi thấm hút, và có thể cảm thấy cảm giác an toàn đối với sự rò rỉ ở phía sau.

Tấm gia cố có thể được bố trí trong vùng (vùng U được minh họa trên Fig.4) giữa mép đầu sau 31R và mép gần thứ hai của lõi thấm hút 31 ở trạng thái được kéo giãn. Theo phương án này, chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 được bố trí làm tấm gia cố. Độ bền

chắc của vùng giữa mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31 và mép đầu trước 84F (mép gần thứ hai) của phần nổi 84 có thể được làm tăng lên nhờ tấm gia cố, để sự chênh lệch theo độ bền chắc giữa vùng chùng lên lõi thấm hút trong phần nhô lên (vùng V được minh họa trên Fig.4) có thể được giảm đi. Do đó, toàn bộ phần nhô lên có xu hướng nhô lên.

Ngoài ra, theo phương án trong đó mép đầu trước 85F của phần không-nổi 85 được định vị ở phía sau từ mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31, U (khoảng cách giữa mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31 và mép đầu trước 84F của phần nổi 84 ở trạng thái được kéo giãn theo hướng trước-sau L) được thiết lập là Y (độ dài của phần nhô lên ở trạng thái được kéo giãn theo hướng trước-sau) + V (khoảng cách giữa mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31 và mép đầu trước của phần nhô lên ở trạng thái được kéo giãn theo hướng trước-sau). Theo phương án này, khi toàn bộ chiếc túi của cặp được bố trí ở phía sau từ lõi thấm hút, người sử dụng có thể cảm thấy cảm giác an toàn đối với sự rò rỉ ở phía sau.

Ngay cả trong phương án trong đó mép đầu trước 85F của phần không-nổi 85 được định vị ở phía sau từ mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31, tấm gia cố có thể được bố trí trong vùng giữa mép đầu sau 31R và mép gần thứ hai của lõi thấm hút 31 ở trạng thái được kéo giãn. Độ bền chắc ở phía bề mặt không hướng da của cặp có thể được làm tăng lên, và sự nhô lên của cặp có thể được làm cho ổn định.

Chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể được bố trí trong ít nhất một phần của vùng giữa mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31 và mép đầu trước 84F (mép gần thứ hai) của phần nổi 84, và tốt hơn là có thể được bố trí trong toàn bộ vùng giữa mép đầu sau 31R của lõi thấm hút 31 và mép đầu trước 84F (mép gần thứ hai) của phần nổi 84 theo hướng

trước-sau. Ngoài ra, chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 có thể được bố trí trên cặp 80 theo hướng chiều rộng Q. Độ bền chắc được làm tăng lên nhờ tấm gia cố trên toàn bộ vùng của cặp theo hướng chiều rộng, phần nhô lên trên toàn bộ vùng của cặp theo hướng chiều rộng dễ dàng nhô lên.

Tã lót dùng một lần 10 có thể thỏa mãn $U \leq X$, khi độ dài của phần nối 84 theo hướng trước-sau được thiết lập là X. Khi tã lót dùng một lần được mặc trên người mặc ở trạng thái đang ngủ, vùng đường eo sau S2 có thể được để xen giữa cơ thể của người mặc và giường hoặc tương tự. Lúc này, vì độ dài của phần nối 84 theo hướng trước-sau long, độ bền chắc của phần nối 84 được làm tăng lên, và mép đầu trước 84F của phần nối 84 đóng vai trò như là trục tựa nhô lên của phần nhô lên này có thể được ngăn khỏi bị gập lên. Hơn nữa, ngay cả nếu mép đầu trước 84F của phần nối 84 bị gập lên, độ dài của phần nối 84 theo hướng trước-sau long, để dễ dàng để đảm bảo trục tựa nhô lên của phần nhô lên này. Do đó, dễ dàng để duy trì trục tựa nhô lên của phần nhô lên này, và dễ dàng để đảm bảo không gian chứa của chiếc túi nhờ cặp 80. Hơn nữa, chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 làm tấm gia cố có thể được bố trí để ôm lấy từ hai phía mép đầu trước 84F của phần nối 84 đóng vai trò như là trục tựa nhô lên của phần nhô lên này theo hướng trước-sau. Có thể ngăn sự gập lên lên của mép đầu trước 84F của phần nối 84 đóng vai trò như là trục tựa nhô lên của phần nhô lên này.

Độ dài của phần được gấp lại 86 theo hướng trước-sau L có thể dài hơn so với độ dài của phần không-nối 85 theo hướng trước-sau L ở trạng thái được kéo giãn. Độ dài của phần được gấp lại 86 tiếp xúc với cơ thể theo hướng trước-sau dài hơn so với độ dài của phần không-nối 85 tạo thành không gian chứa của chiếc túi. Có thể đảm bảo khu vực lớn ở đó cặp 80 tiếp xúc với cơ thể, để tăng cường sự ổn định của hình dạng của cặp

80, và để ngăn sự xảy ra của khoảng hở giữa cặp 80 và cơ thể. Hơn nữa, bằng cách làm tăng độ dài của phần được gấp lại 86 theo hướng trước-sau, ngay cả nếu lực co của phần được gấp lại 86 được làm tăng lên, lực co trên mỗi đơn vị độ dài có thể được ngăn lại. Do đó, độ bám dính của cặp 80 có thể được đảm bảo trong khi ngăn áp lực tiếp xúc của phần được gấp lại 86 và ngăn cảm giác khi mặc tẹ đi.

Mép đầu sau 86R của phần được gấp lại 86 có thể được định vị ở phía sau từ vùng bố trí khóa R13 ở trạng thái được kéo giãn. Vùng bố trí phần khóa R13 dễ dàng đưa vào tiếp xúc với cơ thể ở trạng thái mặc. Phần được gấp lại 86 được bố trí trên phía phần mở tại eo 66 từ vùng bố trí khóa R13 mà tiếp xúc gần với cơ thể. Người sử dụng có thể hiểu được rằng chiếc túi được bố trí trong vùng lân cận của phần mở tại eo 66, và có thể cảm thấy cảm giác an toàn đối với sự rò rỉ ở phía sau.

Mép phía trong 87I của phần nổi ở bên cạnh 87 của cặp 80 có thể được định vị ở phía ngoài từ mép gần chống-rò rỉ 64 của phần chun chống-rò rỉ 60 theo hướng chiều rộng W. Mép phía trong 87I của phần nổi ở bên cạnh 87 dễ chịu ảnh hưởng của lực được hướng vào trong theo hướng chiều rộng W nhờ sự co lại của phần nhô lên. Vì mép phía trong 87I của phần nổi ở bên cạnh 87 được định vị ở phía ngoài từ mép gần chống-rò rỉ 64 của phần chun chống-rò rỉ 60 theo hướng chiều rộng W, mép gần chống-rò rỉ 64 nhờ sự co lại của cặp 80 có thể được ngăn khỏi di chuyển hướng vào trong hướng chiều rộng W. Khoảng trống được xen kẽ giữa cặp phần chun chống-rò rỉ có thể được bố trí rộng rãi, và sự rò rỉ sang bên cạnh có thể được ngăn lại.

Lực co của phần được gấp lại 86 có thể lớn hơn so với lực co của phần không-nổi 85. Vì lực giãn và co của phần được gấp lại 86 tương đối mạnh, có thể đảm bảo độ bám dính của cặp 80 đối với cơ thể. Hơn nữa, vì ứng lực của vùng mà ở đó phần không-

nổi 85 được bố trí là tương đối thấp, có thể ngăn vấn đề trong đó chiếc túi nhô quá lên khỏi cơ thể khi ứng lực của phần không-nổi 85 cao, và để ngăn sự xảy ra của khoảng hở giữa cơ thể và chiếc túi.

Lực co của phần nổi 84 có thể thấp hơn so với lực co của phần không-nổi 85 tạo thành phần nhô lên. Vì lực co của phần nổi 84 là thấp, phần nổi 84 khó mà dính vào cơ thể khi so sánh với phần không-nổi 85. Vì phần nổi tiếp xúc gần với cơ thể, có thể ngăn vấn đề đó là phần nhô lên mà không chùng lên phần nổi 84 thì tương đối tách biệt khỏi cơ thể. Do đó, dễ dàng để đảm bảo độ bám dính của phần nhô lên vào cơ thể. Ngoài ra, như được minh họa trên Fig.6, phần được gấp lại 86 cũng nhô lên về phía người mặc cùng với phần không-nổi 85. Lúc này, phần được gấp lại 86 trong vùng mà không chùng lên phần nổi 84 không tiến vào tiếp xúc gần với cơ thể cùng với phần nổi 84, và tính năng nhô lên của phần được gấp lại 86 có thể được duy trì, và không gian chứa của chiếc túi có thể được đảm bảo. Hơn nữa, trong phần được gấp lại 86 trong vùng chùng lên phần nổi 84, dễ dàng để dính vào cơ thể cùng với phần nổi 84, và dễ dàng để đảm bảo độ bám vào cơ thể.

Để đo lực co của phần được gấp lại 86, lực co của phần nổi 84, và lực co của phần không-nổi 85, máy thử độ kéo giãn loại tự ghi (ví dụ, AG-1KN1) được sản xuất bởi Tập đoàn Shimadzu có thể được sử dụng. Thứ nhất, ở trạng thái kéo dài tã lót dùng một lần tới mức độ mà các nếp gấp do quá trình co lại của cạp 80 bị loại bỏ, sau khi đo trước kích thước của phần được gấp lại 86 theo hướng chiều rộng W, kích thước của phần nổi 84 theo hướng chiều rộng W, và kích thước của phần không-nổi 85 theo hướng chiều rộng W (kích thước ban đầu), cạp 80 bị cắt đi, và phần được gấp lại 86, phần nổi 84, và phần không-nổi 85 được cắt ra để được sử dụng làm các mẫu.

Tiếp theo, một đầu của mỗi mẫu đã được xen kẽ giữa các kẹp được cố định và đầu kia đã được xen kẽ giữa các kẹp di động, và tải trọng kéo đứt (N) khi mẫu đã được kéo dài tới kích cỡ khoảng 90% của kích thước ban đầu ở tốc độ là 300 mm/phút, sau đó được làm ngược lại, và đã thu được mẫu đã được làm co lại thành kích cỡ bằng khoảng 75% của kích thước ban đầu, và tải trọng kéo đứt đã được chuyển đổi thành giá trị ứng lực (N/mm) trên mỗi đơn vị chiều rộng (mm) và được sử dụng làm lực co.

Cũng như vậy, trong ví dụ được cải biên, mép đầu sau 86R của phần được gấp lại 86 có thể được định vị ở phía trước từ mép đầu sau 84R của phần nối 84 ở trạng thái được kéo giãn. Vì mép đầu sau 86R của phần được gấp lại 86 được định vị ở phía trước từ mép đầu sau 84R của phần nối 84, ngay cả trong trường hợp trong đó phần được gấp lại 86 được dời chỗ tại thời điểm sản xuất, có thể ngăn phần được gấp lại 86 khỏi bị cắt lỗi. Khi phần được gấp lại 86 bị cắt lỗi, có thể ngăn tạo ra các mảnh bị cắt ra của cặp 80.

Theo các ví dụ được cải biên khác, cặp 80 có thể chồng lên băng gài 90 theo hướng chiều dày T. Khi kéo băng gài 90 ở thời điểm mặc, cặp 80 có thể được khóa liên động và được kéo. Do đó, cặp 80 dễ dàng nhô lên hơn, nhờ đó làm cho việc tạo thành chiếc túi nhờ cặp 80 dễ dàng hơn.

Tiếp theo, tả lót dùng một lần 10X theo phương án thứ hai sẽ được mô tả có tham khảo Fig.7. Lưu ý rằng, trong phần mô tả tả lót dùng một lần 10X theo phương án thứ hai, các số tham chiếu giống như vậy được sử dụng để ghi các thành phần giống như các thành phần của phương án thứ nhất, và phần mô tả của nó sẽ được bỏ qua. Fig.7 là hình chiếu mặt cắt kiểu giản đồ của tả lót dùng một lần theo phương án thứ hai. Fig.7(a) là mặt cắt của tả lót dùng một lần 10X có tham chiếu tới đường 3A-3A được minh họa trên Fig.1, và Fig.7(b) là mặt cắt của tả lót dùng một lần 10X có tham chiếu tới đường

4A-4A được minh họa trên Fig.1.

Như được minh họa trên Fig.7 (b), mép đầu sau 23XR của tấm bề mặt-ở sau 23X của tã lót dùng một lần 10X theo phương án thứ hai có thể được định vị ở phía sau từ mép đầu trước 84XF của phần nổi 84X của cạp 80X, ít nhất một phần của tấm bề mặt-ở sau 23X có thể chồng lên phần nổi 84X và hướng chiều dày T. Nghĩa là, ít nhất một phần của phần nổi 84X và ít nhất một phần của tấm bề mặt-ở sau 23X chồng lên nhau theo hình chiếu phẳng của tã lót dùng một lần. Mép đầu trước 84XF của phần nổi 84X của cạp 80X tương ứng với mép đầu sau của không gian chứa AS của cạp 80X. Tấm bề mặt-ở sau 23X tiếp tục từ vùng đường eo trước S1 qua vùng đũng S3 đến vùng đường eo sau S2, và ngăn sự rò rỉ của chất lỏng cơ thể đến phía bề mặt không-hướng vào da T2 của tã lót dùng một lần 10X. Vì tấm bề mặt-ở sau 23X chồng lên phần nổi 84X của cạp 80X, có thể ngăn sự rò rỉ của chất lỏng cơ thể khỏi không gian chứa AS của cạp 80X đến phía bề mặt không hướng da của tã lót dùng một lần 10X. Hơn nữa, có thể làm tăng độ bền chắc của vùng mà ở đó phần nổi 84X được tạo thành bởi tấm bề mặt-ở sau 23X, và phần nhô lên của cạp 80X dễ dàng nhô lên hơn đối với phần nổi 84X, nhờ đó tạo thành chiếc túi dễ dàng hơn nhờ cạp 80X.

Độ dài của vùng mà ở đó tấm bề mặt-ở sau 23X và phần nổi 84X chồng lên nhau theo hướng trước-sau L có thể là 50% hoặc nhiều hơn của độ dài của phần nổi 84X theo hướng trước-sau L. Ngay cả trong trường hợp trong đó chất lỏng cơ thể rò ra từ không gian chứa AS của cạp 80X tới phần nổi 84X, dễ dàng để ngăn sự rò rỉ của chất lỏng cơ thể về phía bề mặt không-hướng vào da T2 của tã lót dùng một lần 10X. Tốt hơn nữa là, vùng mà ở đó tấm bề mặt-ở sau 23X và phần nổi 84X chồng lên nhau có thể được bố trí trên toàn bộ vùng của phần nổi 84X theo hướng trước-sau L. Có thể ngăn các loại chất

lỏng cơ thể rò rỉ về phía bề mặt không-hướng vào da T2 của tã lót dùng một lần 10X tốt hơn. Lưu ý rằng, mép đầu sau 23XR của tấm bề mặt-ở sau 23X của phương án thứ hai được bố trí ở phía trước từ mép đầu sau của tã lót dùng một lần 10X; tuy nhiên, theo ví dụ được cải biên, nó có thể tương ứng với mép đầu sau của tã lót dùng một lần 10X.

Như được minh họa trên Fig.7(a), mép phía ngoài 23XE của tấm bề mặt-ở sau 23X có thể được định vị ở phía ngoài từ mép phía trong 88XI của phần nổi thứ hai 88 của cặp theo hướng chiều rộng W, và ít nhất một phần của tấm bề mặt-ở sau 23X có thể chồng lên phần nổi thứ hai 88X theo hướng chiều dày T. Mép phía trong 88XI của phần nổi thứ hai 88X của cặp 80X tương ứng với mép phía ngoài của không gian chứa AS của cặp. Vì tấm bề mặt-ở sau 23X chồng lên phần nổi thứ hai 88X, có thể ngăn sự rò rỉ của chất lỏng cơ thể từ không gian chứa AS của cặp 80X đến phía bề mặt không-hướng vào da T2 của tã lót dùng một lần. Hơn nữa, có thể làm tăng độ bền chắc của vùng mà ở đó phần nổi thứ hai 88X được tạo thành bởi tấm bề mặt-ở sau 23X, và phần nhô lên của cặp 80X dễ dàng nhô lên hơn đối với phần nổi thứ hai 88X, nhờ đó tạo thành chiếc túi dễ dàng hơn nhờ cặp 80X.

Độ dài của vùng mà ở đó tấm bề mặt-ở sau 23X và phần nổi thứ hai 88X chồng lên nhau theo hướng chiều rộng W có thể là 50% hoặc nhiều hơn của độ dài của phần nổi thứ hai 88X theo hướng chiều rộng W. Ngay cả trong trường hợp mà trong đó chất lỏng cơ thể rò rỉ ra từ không gian chứa AS của cặp 80X tới phần nổi thứ hai 88X, dễ dàng để ngăn sự rò rỉ của chất lỏng cơ thể về phía bề mặt không-hướng vào da T2 của tã lót dùng một lần. Tốt hơn nữa là, vùng mà ở đó tấm bề mặt-ở sau 23X và phần nổi thứ hai 88X chồng lên nhau có thể được bố trí trên toàn bộ vùng của phần nổi thứ hai 88X theo hướng chiều rộng LW. Có thể ngăn các loại chất lỏng cơ thể rò rỉ về phía bề mặt không-

hướng vào da T2 của tã lót dùng một lần tốt hơn. Mép phía ngoài 23XE của tấm bề mặt-ở sau 23X có thể được định vị ở phía trong từ mép phía ngoài 88XE của phần nổi thứ hai 88 theo hướng chiều rộng W. Ngay cả với kết cấu này, vì ít nhất một phần của tấm bề mặt-ở sau 23X chồng lên phần nổi thứ hai 88X theo hướng chiều dày T, có thể ngăn được sự rò rỉ của chất lỏng cơ thể.

Tấm bề mặt-ở sau 23X có thể chồng lên chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 theo hướng chiều dày T và có thể được bố trí trong vùng eo R14. Cả hai chi tiết đàn hồi quanh-eo 45 và tấm bề mặt-ở sau 23 có thể làm tăng độ bền chắc của vùng eo R14 và ngăn sự rò rỉ ở phía sau.

Cho đến nay, sáng chế đã được mô tả chi tiết bằng cách sử dụng phương án được mô tả ở trên, nhưng rõ ràng đối với những người có kiến thức trung bình đối với lĩnh vực này rằng sáng chế không bị hạn chế trong phương án được mô tả trong bản mô tả này. Sáng chế có thể được thực hiện làm khía cạnh điều chỉnh và cải biên mà không xa rời khỏi bản chất và phạm vi của sáng chế mà được xác định bởi mô tả tại yêu cầu bảo hộ. Do đó, mô tả của bản mô tả này có xu hướng mô tả để lấy làm ví dụ và không có ý nghĩa giới hạn bất kỳ đối với sáng chế.

Toàn bộ các nội dung của Đơn sáng chế Nhật Bản số 2018-125576 (được nộp vào ngày 29 tháng 6 năm 2018) được tích hợp vào bản mô tả này để tham khảo.

Khả năng ứng dụng trong công nghiệp của sáng chế

Theo sáng chế, có thể tạo ra tã lót dùng một lần mà có thể tạo thành chiếc túi phù hợp nhờ cạp và có thể ngăn việc xảy ra sự rò rỉ ở phía sau.

Danh sách số ký hiệu tham chiếu

10, 10X: Tã lót dùng một lần

- 10F: Mép đầu trước của tã lót dùng một lần
- 10R: Mép đầu sau của tã lót dùng một lần
- 20: Tấm ở phía bề mặt hướng da
- 21: Tấm bề mặt-ở trên
- 22: Tấm bên cạnh
- 23: Tấm bề mặt-ở sau
- 24: Tấm bên ngoài
- 25: Tấm ở phía bề mặt không-hướng da
- 31: Lõi thấm hút
- 31R: Mép đầu sau của lõi thấm hút
- 42: Chi tiết đàn hồi quanh-chân
- 45: Chi tiết đàn hồi quanh-eo (tấm gia cố)
- 45F: Mép đầu trước của chi tiết đàn hồi quanh-eo
- 45R: Mép đầu sau của chi tiết đàn hồi quanh-eo
- 60: Phần chun chống-rò rỉ
- 61: Chi tiết đàn hồi chống-rò rỉ
- 65: Phần mở tại chân
- 66: Phần mở tại eo
- 80, 80X: Cạp
- 80F: Mép đầu trước của cạp
- 80R: Mép đầu sau của cạp
- 81: Lớp tấm
- 811: Lớp vải không dệt thứ nhất
- 812: Lớp vải không dệt thứ hai

813: Lớp màng

82: Chi tiết đàn hồi ở cặp

83: Phần hướng vào

83F: Mép đầu trước của phần hướng vào

83R: Mép đầu sau của phần hướng vào

84: Phần nổi

84F: Mép đầu trước của phần nổi (mép gần thứ hai)

84R: Mép đầu sau của phần nổi

85: Phần không-nổi (phần nhô lên)

85F: Mép đầu trước của phần không-nổi

85R: Mép đầu sau của phần không-nổi

86: Phần được gấp lại

86R: Mép đầu sau của phần được gấp lại

87: Phần nổi ở bên cạnh

87I: Mép phía trong của phần nổi ở bên cạnh (mép gần thứ nhất)

90: Băng gài

90F: Mép đầu trước của băng gài

90R: Mép đầu sau của băng gài

92: Phần góc

93: Phần khóa

93F: Mép đầu trước của phần khóa

93R: Mép đầu sau của phần khóa

95: Phần dấu chỉ gài

FL: Đường gấp

R11: Vùng bố trí phần băng

R12: Vùng mở eo

R12CL: Phần trung tâm của vùng mở eo theo hướng trước-sau

R13: Vùng bố trí phần khóa

R14: Vùng eo

R14CL: Trung tâm của vùng eo theo hướng trước-sau

R15: Vùng khoảng trống

AS: Không gian chứa

S1: Vùng đường eo trước

S2: Vùng đường eo sau

S3: vùng dừng

T: Hướng chiều dày

T1: Phía bề mặt hướng vào da

T2: Phía bề mặt không-hướng vào da

L: Hướng trước-sau

W: Hướng chiều rộng

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Tã lót dùng một lần có hướng trước-sau và hướng chiều rộng mà vuông góc với nhau,

bao gồm:

vùng đường eo trước;

vùng đường eo sau;

vùng đũng được bố trí giữa vùng đường eo trước và vùng đường eo sau;

lỗ thấm hút;

tấm ở phía bề mặt hướng da được định vị ở phía bề mặt hướng vào da từ lỗ thấm hút;

cạp được bố trí ở phía bề mặt hướng vào da của tấm ở phía bề mặt hướng da trong vùng

đường eo sau; và

băng gài được bố trí trong vùng đường eo sau,

trong đó phần hướng vào được định vị gần nhất với tấm ở phía bề mặt hướng da trong

cạp được cung cấp với vùng nối được nối với tấm ở phía bề mặt hướng da và vùng không

nối vào mặt đằng trước từ vùng nối và không được nối với tấm ở phía bề mặt hướng da,

trong đó khoảng trống được xen kẽ giữa vùng không nối và tấm ở phía bề mặt hướng da

trong cạp tạo thành chiếc túi mà mở ra phía trước,

trong đó mép đầu sau của cạp được bố trí ở phía sau từ trung tâm của vùng eo theo

hướng trước-sau trong vùng eo được định vị ở phía sau từ vùng bố trí khóa kéo dài theo

hướng chiều rộng từ phần khóa của băng gài,

trong đó cạp có phần được gấp lại được gấp ở phía cách xa tấm ở phía bề mặt hướng da

từ đường gấp, lấy làm điểm gốc, kéo dài theo hướng chiều rộng tại mép đầu trước của

vùng không nối

trong đó vùng không nối trong cạp được bố trí với chi tiết đàn hồi ở cạp

trong đó cặp gồm lớp vải không dệt thứ nhất, lớp vải không dệt thứ hai, và lớp màng được bố trí giữa lớp vải không dệt thứ nhất và lớp vải không dệt thứ hai, và trong đó lớp vải không dệt thứ nhất, lớp vải không dệt thứ hai và lớp màng được gấp lại từ đường gấp, lấy làm điểm gốc.

2. Tã lót dùng một lần theo điểm 1,

trong đó cặp có phần nối thứ hai mà nối phần được gấp lại và phần hướng vào, trong đó mép phía trong của phần nối thứ hai được bố trí ở phía ngoài từ lõi thấm hút theo hướng chiều rộng.

3. Tã lót dùng một lần theo điểm 2,

trong đó cặp có phần nối bên cạnh được nối với tấm phía bề mặt da trên phía ngoài từ vùng không nối, trong đó mép phía trong của phần nối bên cạnh được bố trí trên phía ngoài từ lõi thấm hút theo hướng chiều rộng.

4. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong các điểm từ 1 đến 3,

trong đó ít nhất một phần của vùng không nối của cặp chồng chéo với lõi thấm hút.

5. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong các điểm từ 1 đến 4,

trong đó nhiều chi tiết đàn hồi cặp được bố trí các khoảng hở quãng theo hướng trước-sau, và được bố trí trong mỗi phần được gấp lại và vùng không nối, trong đó số lượng các chi tiết đàn hồi cặp trong phần được gấp lại lớn hơn số lượng các chi tiết đàn hồi cặp trong vùng không nối.

6. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong các điểm từ 1 đến 5,

trong đó mép đầu sau của cặp được bố trí ở phía sau phần trung tâm của vùng mở cặp

theo hướng trước sau trong vùng mở eo được đặt ở phía sau từ vùng bố trí phần băng kéo dài từ băng gài theo hướng chiều rộng.

7. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ từ điểm 1 đến điểm 6,

trong đó vùng không nối được bố trí từ mép đầu trước của vùng nối đến đường gấp, và độ dài của phần được gấp lại theo hướng trước-sau dài hơn so với độ dài của vùng không nối theo hướng trước-sau.

8. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 7,

trong đó mép đầu sau của phần được gấp lại được định vị ở phía sau từ vùng bố trí khóa.

9. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 8,

trong đó mép đầu sau của phần được gấp lại được định vị ở phía trước từ mép đầu sau của vùng nối.

10. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 9,

trong đó lực co của phần được gấp lại lớn hơn so với lực co của vùng không nối.

11. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 10,

trong đó mép đầu sau của vùng không nối được định vị ở phía sau từ trung tâm của vùng bố trí khóa theo hướng trước-sau.

12. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 11,

trong đó mép đầu trước của vùng nối được định vị ở phía trước từ mép đầu sau của vùng bố trí khóa.

13. Tã lót dùng một lần theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 12,

trong đó mép đầu sau của vùng nối chạm tới mép đầu sau của tã lót dùng một lần.

Fig.1

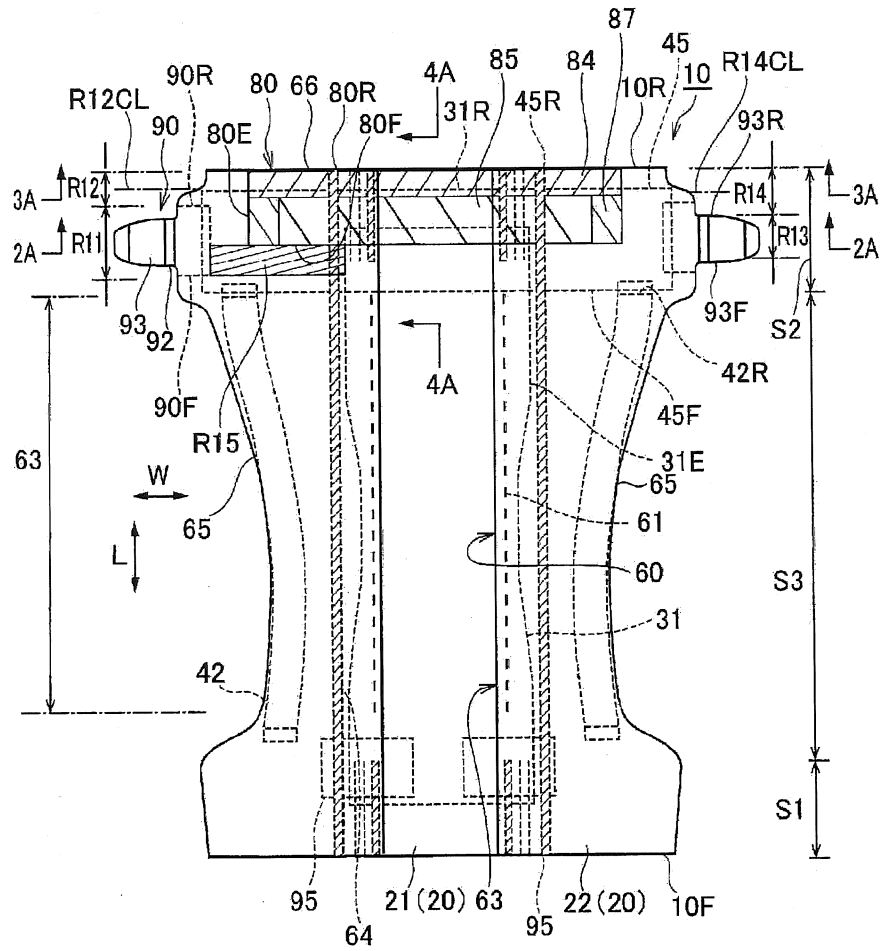


Fig.2

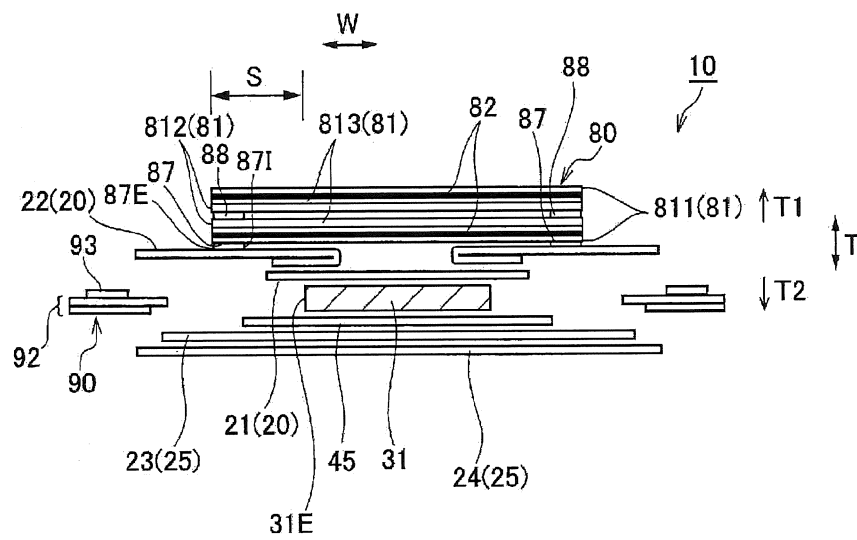


Fig.3

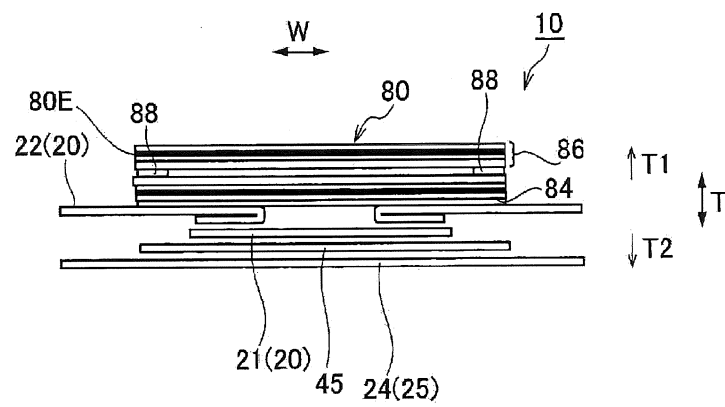


Fig. 4

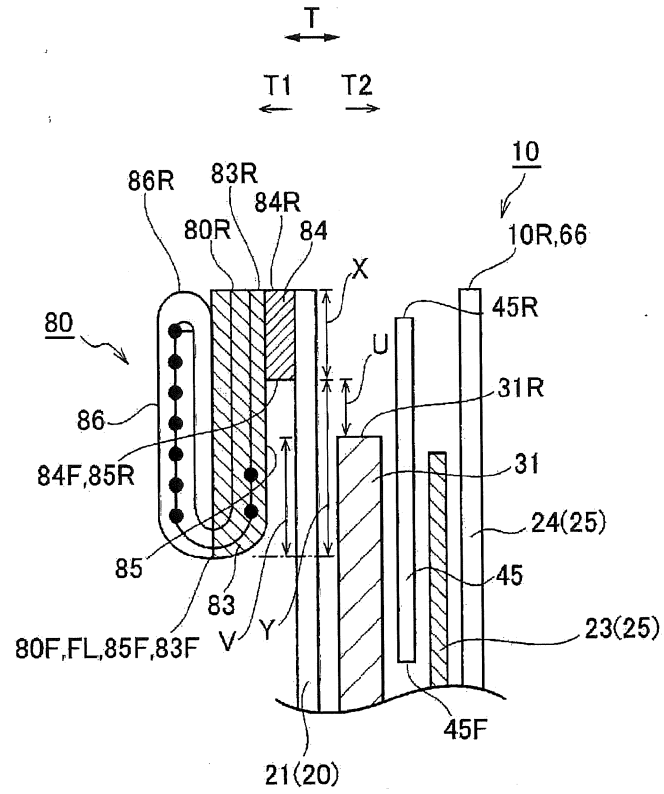


Fig. 5

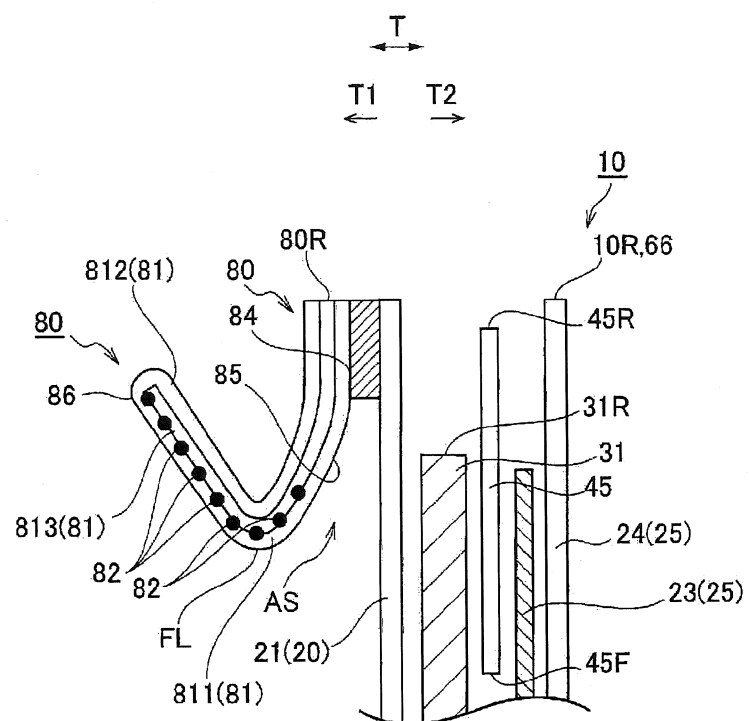


Fig.6

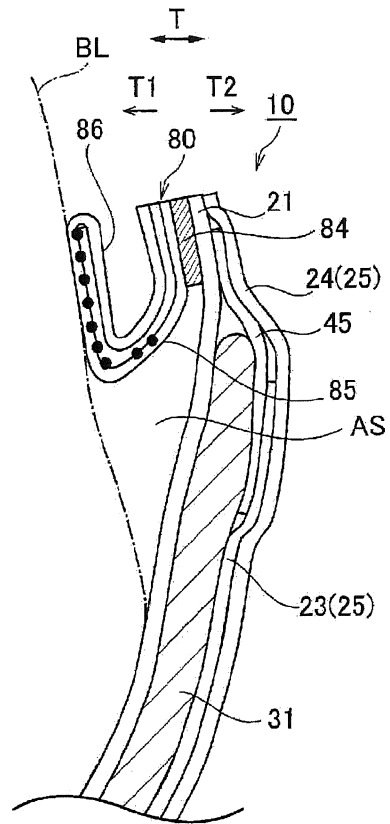


Fig. 7

